



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG BÁO

Thành phố Hồ Chí Minh

Số 120 + 121

Ngày 15 tháng 12 năm 2019

MỤC LỤC

Trang

PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

- 26-11-2019- Quyết định số 29/2019/QĐ-UBND ban hành Quy chế phối hợp quản lý hoạt động khí tượng thủy văn trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. 3

PHẦN VĂN BẢN KHÁC

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

- 26-11-2019- Quyết định số 5038/QĐ-UBND về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội. 27
- 28-11-2019- Quyết định số 5069/QĐ-UBND về việc công bố danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tài nguyên và Môi trường. 54

- 28-11-2019- Quyết định số 5070/QĐ-UBND về việc công bố danh mục thủ tục hành chính bị bãi bỏ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Giáo dục và Đào tạo. 59
- 28-11-2019- Quyết định số 5071/QĐ-UBND về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Ban Quản lý An toàn thực phẩm. 63

PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 29/2019/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 11 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế phối hợp quản lý hoạt động khí tượng thủy văn
trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Khí tượng thủy văn ngày 23 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 38/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khí tượng thủy văn;

Căn cứ Nghị định số 73/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ về thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường;

Căn cứ Quyết định số 46/2014/QĐ-TTg ngày 15 tháng 8 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ quy định về dự báo, cảnh báo và truyền tin thiên tai;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 50/2014/TTLT-BTNMT-BNV ngày 28 tháng 8 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Phòng Tài nguyên và Môi trường thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh;

Căn cứ Thông tư số 06/2016/TT-BTNMT ngày 16 tháng 5 năm 2016 của Bộ Tài

nguyên và Môi trường quy định về loại bản tin và thời hạn dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn;

Căn cứ Thông tư số 07/2016/TT-BTNMT ngày 16 tháng 5 năm 2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định các bộ dữ liệu, chuẩn dữ liệu và xây dựng quản lý cơ sở dữ liệu khí tượng thủy văn quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 08/2016/TT-BTNMT ngày 16 tháng 5 năm 2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đánh giá tác động của biến đổi khí hậu và đánh giá khí hậu quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 09/2016/TT-BTNMT ngày 16 tháng 5 năm 2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc xây dựng, thẩm định kế hoạch tác động vào thời tiết;

Căn cứ Thông tư số 05/2016/TT-BKHĐT ngày 06 tháng 6 năm 2016 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về hướng dẫn lồng ghép nội dung phòng, chống thiên tai vào quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành, kinh tế-xã hội;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 9214/TTr-STNMT-KTTV ngày 28 tháng 10 năm 2019 và ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Công văn số 4754/STP-VB ngày 15 tháng 8 năm 2019 và Công văn số 5688/STP-VB ngày 02 tháng 10 năm 2019.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế phối hợp quản lý hoạt động khí tượng thủy văn trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 12 năm 2019 và thay thế Quyết định số 107/2007/QĐ-UBND ngày 31 tháng 7 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành Quy định quản lý Nhà nước về hoạt động khí tượng thủy văn trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, thủ trưởng các sở, ban, ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện, phường, xã, thị trấn và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Võ Văn Hoan

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY CHẾ

Phối hợp quản lý hoạt động khí tượng thủy văn trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 29/2019/QĐ-UBND
ngày 26 tháng 11 năm 2019 của Ủy ban nhân dân thành phố)*

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định trách nhiệm và công tác phối hợp quản lý hoạt động khí tượng thủy văn (viết tắt là KTTV) trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các cơ quan tổ chức có liên quan trong quản lý hoạt động khí tượng thủy văn trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Các Sở, ban, ngành, đơn vị sự nghiệp công lập cấp thành phố (sau đây gọi chung là cơ quan nhà nước), Ủy ban nhân dân quận, huyện (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp huyện), Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp xã) trong quản lý nhà nước về hoạt động KTTV trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 3. Mục tiêu phối hợp

1. Thiết lập cơ chế phối hợp đồng bộ và quy định trách nhiệm phối hợp giữa các sở, ban, ngành; các cơ quan có liên quan trong quản lý hoạt động KTTV trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh bảo đảm tính chặt chẽ và tuân thủ quy định pháp luật.

2. Nâng cao hiệu quả, hiệu lực công tác quản lý nhà nước trong lĩnh vực KTTV.

3. Hỗ trợ về chuyên môn, nghiệp vụ, cung cấp và trao đổi về thông tin, dữ liệu KTTV nhằm từng bước hoàn thiện hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu trong quá trình

thực hiện nhiệm vụ.

4. Đáp ứng nhu cầu sử dụng thông tin, dữ liệu KTTV phục vụ phát triển kinh tế xã hội trên địa bàn, giảm thiểu những tác hại tiêu cực do thời tiết, khí hậu, thủy văn gây ra.

Điều 4. Nguyên tắc phối hợp

1. Bảo đảm sự quản lý thống nhất, liên ngành, đồng bộ, hiệu quả, có sự phân công trách nhiệm rõ ràng phù hợp với từng cơ quan, đơn vị trong việc chủ trì, phối hợp thực hiện quản lý nhà nước về KTTV.

2. Việc phối hợp dựa trên chức năng, nhiệm vụ được giao của các cơ quan, đơn vị; bảo đảm triển khai đầy đủ, chặt chẽ, đúng quy định; tuân thủ quy định của Quy chế này và các quy định của pháp luật liên quan.

3. Việc phối hợp, trao đổi thông tin, dữ liệu trong hoạt động KTTV phải thực hiện thường xuyên, nhằm phục vụ tốt công tác quản lý nhà nước về KTTV theo quy định pháp luật.

4. Bảo đảm yêu cầu chất lượng chuyên môn và thời gian.

5. Phối hợp trong thanh tra, kiểm tra và xử lý hành vi vi phạm phải bảo đảm chính xác, khách quan, trung thực, công khai, dân chủ, kịp thời, không trùng lặp về phạm vi, đối tượng, nội dung, thời gian thanh tra, kiểm tra giữa các cơ quan thực hiện thanh tra, kiểm tra; không làm cản trở hoạt động bình thường của đơn vị.

6. Trao đổi, cung cấp, công khai thông tin phải đảm bảo chính xác, đầy đủ, kịp thời.

7. Chỉ quy định việc phối hợp giữa các cơ quan chức năng trong quản lý nhà nước không làm phát sinh thủ tục hành chính.

Chương II

NỘI DUNG CỤ THỂ

Điều 5. Nội dung phối hợp

1. Xây dựng, trình Ủy ban nhân dân thành phố ban hành hoặc tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố trình Hội đồng nhân dân thành phố ban hành các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý hoạt động KTTV trên địa bàn thành phố theo quy định của pháp luật.

2. Phổ biến, giáo dục pháp luật và tuyên truyền về KTTV, biến đổi khí hậu (viết tắt là BĐKH).
3. Quản lý việc tổ chức quan trắc KTTV đối với các công trình phải quan trắc KTTV.
4. Theo dõi, đánh giá việc khai thác, sử dụng bản tin dự báo, cảnh báo KTTV phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, phòng, chống thiên tai trên địa bàn;
5. Thẩm định, thẩm tra, đánh giá việc khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu KTTV trong các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội; việc lồng ghép kết quả giám sát BĐKH trong các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch trên địa bàn thành phố.
6. Tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố cấp, gia hạn, sửa đổi, bổ sung, cấp lại, thu hồi, đình chỉ hiệu lực, chấm dứt hiệu lực giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo KTTV.
7. Tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố quyết định: hành lang kỹ thuật công trình KTTV chuyên dùng thuộc mạng lưới KTTV thành phố; thành lập, di chuyển, giải thể trạm KTTV chuyên dùng theo kế hoạch phát triển mạng lưới trạm KTTV chuyên dùng của Thành phố Hồ Chí Minh.
8. Phối hợp bảo vệ hành lang kỹ thuật công trình KTTV thuộc mạng lưới trạm KTTV quốc gia; thành lập, di chuyển, giải thể trạm KTTV chuyên dùng.
9. Tổ chức đánh giá tác động của BĐKH, xây dựng các giải pháp ứng phó với BĐKH đối với các lĩnh vực, khu vực trên địa bàn thành phố.
10. Phát triển mạng lưới trạm KTTV chuyên dùng.
11. Xây dựng cơ sở dữ liệu KTTV phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố Hồ Chí Minh.
12. Tổ chức truyền, phát tin dự báo, cảnh báo KTTV.
13. Nghiên cứu khoa học và công nghệ; đào tạo, bồi dưỡng, phát triển nguồn nhân lực KTTV, BĐKH.
14. Hợp tác quốc tế về hoạt động KTTV.
15. Phối hợp trong việc thực hiện chế độ báo cáo về công tác quản lý nhà nước về KTTV.
16. Thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật về KTTV; giải quyết khiếu nại,

tổ cáo về KTTV.

Điều 6. Trách nhiệm của Sở Tài nguyên và Môi trường

1. Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành và quận, huyện trên địa bàn thành phố tham mưu, xây dựng dự thảo văn bản quy phạm pháp luật về KTTV, giám sát BDKH, quy hoạch phát triển, chương trình, kế hoạch trung hạn, dài hạn, và hàng năm về KTTV phù hợp với quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn thành phố, trình Ủy ban nhân dân thành phố ban hành theo thẩm quyền và tổ chức thực hiện.

2. Chủ trì, phối hợp với Đài Khí tượng Thủy văn khu vực Nam Bộ, các cơ quan thông tin đại chúng và cơ sở giáo dục, đào tạo của Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức phổ biến, giáo dục pháp luật, tuyên truyền, nâng cao nhận thức về KTTV và BDKH.

3. Định kỳ hàng năm phối hợp với các Sở, ngành liên quan rà soát, cập nhật, bổ sung danh mục công trình và chủ công trình phải tổ chức quan trắc KTTV, trình Ủy ban nhân dân thành phố báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường theo quy định.

4. Định kỳ 3 năm, chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố đề xuất Bộ Tài nguyên và Môi trường trình Thủ tướng Chính phủ điều chỉnh, bổ sung loại công trình phải quan trắc và cung cấp thông tin, dữ liệu KTTV.

5. Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư và các cơ quan liên quan thực hiện thẩm định, thẩm tra, đánh giá việc sử dụng thông tin, dữ liệu, tài liệu KTTV trong các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội; theo dõi, kiểm tra và đánh giá việc lồng ghép nội dung phòng, chống thiên tai trong quá trình tổ chức thực hiện quy hoạch tổng thể, tăng trưởng xanh, phát triển kinh tế - xã hội của thành phố.

6. Tiếp nhận hồ sơ, tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố cấp, cấp lại, gia hạn, sửa đổi, bổ sung giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo KTTV thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân thành phố.

7. Tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố quyết định thu hồi, đình chỉ hiệu lực, chấm dứt hiệu lực của giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo KTTV trong các trường hợp được quy định tại Điều 19, Điều 20, Điều 21 Nghị định số 38/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật

Khí tượng thủy văn.

8. Trình Ủy ban nhân dân thành phố việc thông báo việc thành lập, di chuyển, giải thể trạm KTTV chuyên dùng thuộc mạng lưới trạm KTTV chuyên dùng của Thành phố Hồ Chí Minh cho Bộ Tài nguyên và Môi trường và cơ quan quản lý nhà nước về KTTV cấp tỉnh nơi đặt trạm trong trường hợp trạm nằm ngoài địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

9. Phối hợp với Đài Khí tượng Thủy văn khu vực Nam Bộ và các cơ quan, đơn vị liên quan bảo đảm hành lang kỹ thuật công trình KTTV quốc gia và công trình KTTV chuyên dùng trên địa bàn thành phố.

10. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng kế hoạch phát triển mạng quan trắc KTTV trên địa bàn thành phố phù hợp với quy hoạch và kết nối với mạng quốc gia, trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt và ban hành sau khi được Bộ Tài nguyên và Môi trường chấp thuận bằng văn bản.

11. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng cơ sở dữ liệu KTTV phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố Hồ Chí Minh.

12. Quản lý, lưu trữ thông tin, dữ liệu KTTV phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố Hồ Chí Minh; phối hợp với Đài Khí tượng Thủy văn khu vực Nam Bộ tiếp nhận thông tin, dữ liệu quan trắc KTTV từ các công trình KTTV trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh theo danh mục; tiếp nhận dữ liệu quan trắc KTTV tự động của chủ các công trình phải quan trắc KTTV để cung cấp thông tin, dữ liệu quan trắc về hệ thống dự báo, cảnh báo KTTV quốc gia và cơ sở dữ liệu KTTV quốc gia; phối hợp với Đài Khí tượng Thủy văn khu vực Nam Bộ trong việc tiếp nhận dữ liệu về KTTV trên địa bàn thành phố.

13. Chủ trì thực hiện điều tra, khảo sát để bổ sung thông tin, dữ liệu về KTTV đáp ứng nhu cầu sử dụng thông tin, dữ liệu KTTV phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố Hồ Chí Minh.

14. Tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố thực hiện các hoạt động hợp tác quốc tế về hoạt động KTTV theo thẩm quyền của Ủy ban nhân dân thành phố.

15. Chủ trì thẩm định các dự án đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp công trình khí tượng, thủy văn chuyên dùng; tham gia xây dựng phương án phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, kiểm tra việc thực hiện các quy định về dự báo, cảnh báo và truyền tin thiên tai trên địa bàn.

16. Chủ trì, phối hợp với Đài Khí tượng Thủy văn khu vực Nam Bộ thẩm định việc áp dụng tiêu chuẩn kỹ thuật của công trình, thiết bị đo của công trình KTTV chuyên dùng, thiết bị quan trắc, định vị sét do địa phương xây dựng bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước.

17. Phối hợp với Đài Khí tượng Thủy văn khu vực Nam Bộ theo dõi, giám sát sự hoạt động của toàn bộ thiết bị đo KTTV trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh bảo đảm các thiết bị được kiểm định trước khi đưa vào sử dụng và định kỳ kiểm định theo quy định của Luật Khí tượng thủy văn.

18. Chủ trì, phối hợp với các Sở ngành liên quan thực hiện chế độ báo cáo:

- Định kỳ trước ngày 15 tháng 12 hàng năm báo cáo cho Bộ Tài nguyên và Môi trường và Ủy ban nhân dân thành phố về công tác quản lý nhà nước về hoạt động KTTV trên địa bàn.

- Báo cáo đột xuất theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố về công tác quản lý nhà nước về hoạt động KTTV trên địa bàn.

19. Thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra việc thi hành pháp luật, giải quyết các tranh chấp, khiếu nại, tố cáo và xử lý các vi phạm pháp luật về KTTV theo quy định của pháp luật.

20. Chủ trì tổ chức đánh giá tác động của BĐKH, xây dựng các giải pháp ứng phó với BĐKH đối với các lĩnh vực, khu vực thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân thành phố.

21. Là cơ quan Thường trực của Ban chỉ đạo thực hiện kế hoạch hành động ứng phó với BĐKH, thực hiện nhiệm vụ thuộc phạm vi của Sở Tài nguyên và Môi trường trong các chiến lược, chương trình, kế hoạch quốc gia về BĐKH, các đề án, dự án, chương trình ứng phó với BĐKH; tổ chức kiểm tra việc thực hiện các mục tiêu trong các chương trình, kế hoạch, đề án, dự án BĐKH trên địa bàn theo quy định hiện hành.

Điều 7. Trách nhiệm của Sở Kế hoạch và Đầu tư

1. Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố hàng năm phân bổ nguồn vốn ngân sách Trung ương, ngân sách thành phố và các nguồn hỗ trợ khác cho hoạt động của các dự án, đề án về KTTV, nhiệm vụ phòng, chống thiên tai; cập nhật kế hoạch hành động ứng phó với BĐKH của thành phố.

2. Chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các cơ quan liên quan thẩm định việc lồng ghép kết quả giám sát

BĐKH trong các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội của thành phố; theo dõi, kiểm tra và đánh giá việc lồng ghép nội dung phòng, chống thiên tai trong quá trình tổ chức thực hiện quy hoạch tổng thể, tăng trưởng xanh, phát triển kinh tế - xã hội của thành phố. Các nội dung lồng ghép được quy định tại Điều 16 Luật Phòng, chống thiên tai năm 2013 gồm:

- Thẩm định, thẩm tra, đánh giá nguồn gốc thông tin, dữ liệu KTTV.

- Thẩm định, thẩm tra, đánh giá việc lồng ghép kết quả giám sát BĐKH trong các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân thành phố.

3. Tổ chức tiếp nhận và chủ trì, phối hợp cùng các cơ quan có liên quan thực hiện cấp, điều chỉnh và thu hồi giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoạt động lĩnh vực dự báo, cảnh báo KTTV theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư và các quy định pháp luật liên quan; gửi danh sách các tổ chức, cá nhân được chứng nhận đầu tư kinh doanh ngành nghề dự báo, cảnh báo KTTV cho Sở Tài nguyên và Môi trường cập nhật khi có bổ sung, thay đổi.

4. Phối hợp với Sở Tài chính ưu tiên bố trí vốn đầu tư trong dự toán hàng năm để thực hiện các giải pháp phát triển kinh tế - xã hội có lồng ghép nội dung phòng, chống thiên tai.

5. Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường báo cáo và thực hiện các nhiệm vụ khác có liên quan theo quy định của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Ủy ban nhân dân thành phố.

Điều 8. Trách nhiệm của Sở Tài chính

1. Căn cứ khả năng ngân sách, tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân thành phố bố trí kinh phí đối với nguồn kinh phí sự nghiệp hàng năm cho các nội dung thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về KTTV.

2. Phối hợp Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố bố trí vốn đầu tư cho các dự án, nhiệm vụ về KTTV theo quy định.

3. Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường báo cáo và thực hiện các nhiệm vụ khác có liên quan về tài chính theo quy định của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Ủy ban nhân dân thành phố.

Điều 9. Trách nhiệm của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

1. Quản lý, cung cấp dữ liệu đo đạc từ các công trình thủy lợi, nông lâm nghiệp, thủy sản có quan trắc, khai thác dữ liệu KTTV cho Sở Tài nguyên và Môi trường trong việc xây dựng cơ sở dữ liệu KTTV của thành phố.

2. Cập nhật danh sách các công trình phải quan trắc KTTV gồm hồ chứa thủy lợi có cửa van điều tiết lũ và hồ chứa thủy điện có dung tích toàn bộ từ ba triệu mét khối ($3.000.000 \text{ m}^3$) trở lên; hồ chứa thuộc phạm vi điều chỉnh của quy trình vận hành liên hồ chứa trên các lưu vực sông cho Sở Tài nguyên và Môi trường khi có thay đổi.

3. Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư tham gia thẩm định, đánh giá việc khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu KTTV, giám sát BĐKH, việc lồng ghép nội dung phòng, chống thiên tai vào các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội của thành phố.

4. Chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức hướng dẫn cơ quan, tổ chức, cá nhân hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn khai thác, cung cấp thông tin, dữ liệu KTTV, tin dự báo, cảnh báo KTTV; áp dụng quy chuẩn kỹ thuật về xây dựng, quản lý, khai thác công trình phòng, chống thiên tai trong phát triển nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh trong bối cảnh BĐKH.

5. Thường xuyên tiếp nhận các dự báo, cảnh báo về KTTV do Đài Khí tượng Thủy văn khu vực Nam Bộ cung cấp, xử lý thông tin theo chức năng để chỉ đạo kịp thời sản xuất nông, lâm nghiệp, đánh bắt và nuôi trồng thủy sản.

6. Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường trong việc xây dựng kế hoạch phát triển mạng lưới KTTV chuyên dùng của thành phố, đề xuất mạng lưới KTTV chuyên dùng của thành phố phục vụ công tác phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn.

7. Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường đánh giá việc khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu KTTV, giám sát BĐKH; thực hiện việc lồng ghép nội dung phòng, chống thiên tai vào quy hoạch, kế hoạch phát triển, chương trình, dự án về nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi, thủy sản và phát triển nông thôn.

8. Phối hợp Sở Tài nguyên và Môi trường, Đài Khí tượng Thủy văn khu vực Nam Bộ thu thập, cập nhật và tổng hợp các thông tin, số liệu về tác động của giám sát BĐKH ảnh hưởng đến sản xuất nông nghiệp và nuôi trồng thủy sản; đề xuất các biện pháp ứng phó, khắc phục.

9. Tham gia ý kiến trong việc thẩm định hồ sơ cấp, gia hạn, điều chỉnh, thu hồi giấy phép cảnh báo dự báo KTTV thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân thành phố theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường (nếu có).

10. Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường báo cáo định kỳ và thực hiện các nhiệm vụ khác có liên quan theo quy định của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Ủy ban nhân dân thành phố.

Điều 10. Trách nhiệm của Sở Giao thông vận tải

1. Phối hợp cung cấp dữ liệu đo đạc từ các công trình giao thông thuộc phạm vi quản lý của Sở Giao thông vận tải có quan trắc, khai thác dữ liệu KTTV cho Sở Tài nguyên và Môi trường trong việc xây dựng cơ sở dữ liệu KTTV của thành phố.

2. Cập nhật danh sách các công trình phải quan trắc KTTV gồm Cảng biển loại I và loại II; Cầu qua vùng cửa sông ven biển, eo biển, vịnh hoặc các đảo vùng nội thủy có khẩu độ thông thuyền từ 500 mét trở lên và sân bay cho Sở Tài nguyên và Môi trường khi có thay đổi.

3. Chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức hướng dẫn cơ quan, tổ chức, cá nhân hoạt động trong lĩnh vực giao thông vận tải khai thác, cung cấp thông tin, dữ liệu KTTV, tin dự báo, cảnh báo KTTV; áp dụng việc sử dụng, trao đổi thông tin, dữ liệu khí tượng phục vụ hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng đáp ứng yêu cầu quản lý dịch vụ đảm bảo hoạt động giao thông thủy, giao thông đường bộ, đường hàng không.

4. Theo dõi, kiểm tra và đánh giá việc lồng ghép nội dung phòng, chống thiên tai, thích ứng với BĐKH trong quá trình tổ chức thực hiện quy hoạch, dự án hạ tầng giao thông vận tải của thành phố.

5. Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố đề xuất Bộ Tài nguyên và Môi trường trình Thủ tướng Chính phủ bổ sung những công trình giao thông phải quan trắc KTTV.

6. Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường báo cáo định kỳ và thực hiện các nhiệm vụ khác có liên quan theo quy định của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Ủy ban nhân dân thành phố.

Điều 11. Trách nhiệm của Sở Thông tin và Truyền thông

1. Tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố các chiến lược phát triển đồng bộ hạ tầng viễn thông và công nghệ thông tin trên địa bàn thành phố phù hợp phục vụ hoạt

động KTTV theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông.

2. Chỉ đạo các cơ quan báo đài thành phố, hệ thống Đài truyền thanh cấp huyện, hệ thống thông tin cơ sở tích cực tuyên truyền các chỉ đạo của Trung ương, của Ủy ban nhân dân thành phố về hoạt động KTTV nhằm đảm bảo đăng tải thông tin, dữ liệu KTTV; giám sát BDKH, thiên tai KTTV đúng với tình hình thực tế. Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường kịp thời cung cấp thông tin cho báo chí về hoạt động KTTV đã và đang diễn ra trên địa bàn thành phố một cách chính xác, đảm bảo tính nhất quán trong các thông tin, tuyên truyền.

3. Phối hợp với Văn phòng Ban chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn thành phố, Đài Khí tượng Thủy văn khu vực Nam Bộ để chỉ đạo các đơn vị thông tin di động đảm bảo hạ tầng kỹ thuật các mạng di động nhằm phục vụ việc báo tin thiên tai trên địa bàn thành phố.

4. Phối hợp với Văn phòng Ban chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn thành phố, Đài Khí tượng Thủy văn khu vực Nam Bộ trong việc tổ chức truyền tin và sử dụng kinh phí phục vụ tuyên truyền qua mạng điện thoại di động về cảnh báo thiên tai theo quy định.

5. Phối hợp, hỗ trợ Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện triển khai các dự án ứng dụng công nghệ thông tin trong lĩnh vực KTTV do Ủy ban nhân dân thành phố giao.

6. Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường báo cáo định kỳ và thực hiện các nhiệm vụ khác có liên quan theo quy định của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Ủy ban nhân dân thành phố.

Điều 12. Trách nhiệm của Sở Du lịch

1. Phối hợp cung cấp thông tin, dữ liệu quan trắc KTTV cho Sở Tài nguyên và Môi trường trong việc xây dựng cơ sở dữ liệu KTTV của thành phố đối với các công trình khai thác kinh doanh du lịch do Sở Du lịch quản lý có tổ chức quan trắc KTTV.

2. Cập nhật danh sách các công trình phải quan trắc KTTV gồm Tháp thu phát sóng phát thanh, truyền hình có kết hợp khai thác tham quan, kinh doanh phục vụ khách trên tháp; cáp treo phục vụ hoạt động tham quan, du lịch; vườn quốc gia cho Sở Tài nguyên và Môi trường khi có thay đổi.

3. Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố đề xuất Bộ Tài nguyên và Môi trường trình Thủ tướng Chính phủ bổ sung những

công trình khai thác kinh doanh, dịch vụ du lịch phải quan trắc KTTV theo tình hình thực tế.

4. Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường báo cáo định kỳ và thực hiện các nhiệm vụ khác có liên quan theo quy định của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Ủy ban nhân dân thành phố.

Điều 13. Trách nhiệm của Sở Xây dựng

1. Thu thập, đo đạc, khảo sát, thống kê, lưu trữ các dữ liệu KTTV phục vụ công tác chống ngập, đồng thời cung cấp dữ liệu KTTV thu thập, quan trắc được cho Sở Tài nguyên và Môi trường trong việc xây dựng cơ sở dữ liệu KTTV của thành phố.

2. Chủ trì, phối hợp Sở Tài nguyên và Môi trường nghiên cứu, ứng dụng các kết quả nghiên cứu về KTTV trong công tác chống ngập.

3. Xem xét, giải quyết cấp giấy phép xây dựng thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật. Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp xã nhằm đảm bảo phạm vi an toàn hành lang kỹ thuật công trình KTTV lân cận.

4. Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường đánh giá việc khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu KTTV, giám sát BĐKH; thực hiện việc lồng ghép nội dung phòng, chống thiên tai vào quy hoạch, kế hoạch phát triển, chương trình, dự án xây dựng cơ sở hạ tầng và vật liệu xây dựng.

5. Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường trong việc xây dựng kế hoạch phát triển mạng lưới trạm quan trắc KTTV đảm bảo phù hợp với quy hoạch xây dựng và phát triển đô thị của thành phố.

6. Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường báo cáo định kỳ và thực hiện các nhiệm vụ khác có liên quan theo quy định của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Ủy ban nhân dân thành phố.

Điều 14. Trách nhiệm của Sở Quy hoạch - Kiến trúc

1. Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường và các đơn vị liên quan trong việc quy hoạch kiến trúc mạng lưới KTTV phù hợp với quy hoạch chung thành phố và các quy định hiện hành.

2. Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường báo cáo định kỳ và thực hiện các nhiệm vụ khác có liên quan theo quy định của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Ủy ban nhân dân thành phố.

Điều 15. Trách nhiệm của Sở Khoa học và Công nghệ

1. Chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường và các Sở ngành liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố về nhu cầu nghiên cứu, tạo sản phẩm khoa học công nghệ thuộc lĩnh vực KTTV và BDKH.

2. Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường báo cáo định kỳ và thực hiện các nhiệm vụ khác có liên quan theo quy định của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Ủy ban nhân dân thành phố.

Điều 16. Trách nhiệm của Sở Giáo dục và Đào tạo

Chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, Đài Khí tượng Thủy văn khu vực Nam Bộ lồng ghép chương trình giáo dục tại các cấp học nhằm tuyên truyền, phổ biến kiến thức về KTTV, BDKH và các kỹ năng xử lý, ứng phó khi gặp hiện tượng thời tiết nguy hiểm, phòng tránh thiên tai, ý thức bảo vệ môi trường.

Điều 17. Thống nhất phạm vi phối hợp của Đài Khí tượng Thủy văn khu vực Nam Bộ

1. Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường đánh giá việc khai thác, sử dụng tin dự báo, cảnh báo KTTV phục vụ phát triển kinh tế - xã hội; phòng chống thiên tai trên địa bàn thành phố.

2. Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư và các Sở ngành liên quan thẩm định việc lồng ghép kết quả giám sát BDKH trong các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội của thành phố; theo dõi, kiểm tra và đánh giá việc lồng ghép nội dung phòng, chống thiên tai trong quá trình tổ chức thực hiện quy hoạch tổng thể, tăng trưởng xanh, phát triển kinh tế - xã hội của thành phố.

3. Chuyển giao các số liệu quan trắc về KTTV trên địa bàn thành phố theo danh mục (Phụ lục đính kèm) cho Sở Tài nguyên và Môi trường phục vụ công tác quản lý nhà nước về KTTV, phòng, chống, giảm nhẹ thiên tai và dự báo tác động của BDKH trên địa bàn thành phố; số liệu chuyển giao sẽ được Sở Tài nguyên và Môi trường chia sẻ các Sở ngành sử dụng theo quy định pháp luật; phối hợp Văn phòng Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn thành phố và Sở Tài nguyên và Môi trường xây dựng phương án phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai và đề xuất các biện pháp ứng phó BDKH trên địa bàn thành phố.

4. Cảnh báo, thông báo báo kịp thời các hiện tượng khí hậu thời tiết thủy văn nguy hiểm trên địa bàn thành phố (áp thấp nhiệt đới, bão, dông sét, lốc, mưa lớn, lũ

lụt,...) cho các cơ quan quản lý nhà nước, cơ quan thông tin đại chúng theo quy định.

5. Phối hợp với các Sở ngành, Văn phòng Thường trực Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn thành phố thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến nghiệp vụ khí tượng thủy văn; nghiên cứu, ứng dụng các thành tựu khoa học công nghệ tiên tiến vào lĩnh vực khí tượng thủy văn, nắm bắt tình hình diễn biến của khí hậu, thủy văn trên địa bàn thành phố; tham gia xây dựng, đề xuất phương án chủ động phòng, chống, giảm nhẹ tác hại do thiên tai gây ra, ứng dụng thiết bị công nghệ tiên tiến quan trắc phát hiện kịp thời hiện tượng thời tiết nguy hiểm như lốc xoáy, mưa đá, lũ quét, sạt lở đất... nâng cao chất lượng dự báo KTTV phục vụ phát triển kinh tế - xã hội.

6. Phối hợp với các Sở ngành của thành phố, Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã phổ biến tuyên truyền đến các tổ chức và nhân dân về những chính sách pháp luật trong lĩnh vực KTTV. Thực hiện các hoạt động tư vấn, dịch vụ về KTTV cho các tổ chức, cá nhân có nhu cầu theo quy định của pháp luật.

7. Tham gia ý kiến trong thẩm định hồ sơ cấp, gia hạn, điều chỉnh, thu hồi giấy phép cảnh báo dự báo KTTV thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân thành phố theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường (nếu có).

8. Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường trong việc xây dựng kế hoạch phát triển mạng lưới KTTV chuyên dùng của thành phố, đề xuất mạng lưới KTTV chuyên dùng của thành phố, nội dung quan trắc trạm KTTV chuyên dùng của thành phố.

9. Chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường theo dõi, giám sát sự hoạt động của toàn bộ thiết bị đo KTTV trên địa bàn thành phố bảo đảm các thiết bị được kiểm định trước khi đưa vào sử dụng và định kỳ kiểm định theo quy định của Luật Khí tượng thủy văn. Số liệu KTTV khi sử dụng vào các mục đích hợp pháp phải được thu thập từ các thiết bị được kiểm định và còn hạn kiểm định.

10. Chủ động xác định hành lang kỹ thuật công trình KTTV thuộc quyền quản lý, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố xác định hành lang kỹ thuật công trình KTTV ngoài thực địa, cắm mốc, công bố để phối hợp quản lý, bảo vệ.

Điều 18. Trách nhiệm của Văn phòng Thường trực Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn thành phố

1. Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm định, thẩm tra, đánh giá việc khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu KTTV ở nội dung lồng ghép phòng, chống thiên tai vào các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội của thành phố.

2. Thu thập, đo đạc, khảo sát, thống kê, lưu trữ các dữ liệu KTTV phục vụ công tác theo chức năng nhiệm vụ, đồng thời cung cấp dữ liệu KTTV thu thập, quan trắc được cho Sở Tài nguyên và Môi trường trong việc xây dựng cơ sở dữ liệu KTTV của thành phố.

3. Chủ trì, phối hợp với Đài Khí tượng Thủy văn khu vực Nam Bộ trong việc cung cấp thông tin, bản tin dự báo, cảnh báo các loại hình thiên tai phục vụ cho công tác chỉ đạo phòng chống thiên tai.

4. Tổ chức tuyên truyền, truyền tin về cảnh báo thiên tai theo quy định.

Điều 19. Trách nhiệm của Công ty TNHH MTV Quản lý Khai thác Dịch vụ Thủy lợi Thành phố Hồ Chí Minh

Quan trắc, theo dõi, thu thập các số liệu về khí tượng, thủy văn, chất lượng nước, diễn biến triều, mặn, úng hạn trên các công trình thủy lợi thuộc phạm vi quản lý của Công ty. Các số liệu quan trắc này được sử dụng trong việc tổ chức thực hiện các kế hoạch sửa chữa các công trình thủy lợi, công trình sử dụng nước, phòng chống lụt bão và thiên tai, cải tạo đất, đồng thời cung cấp cho Sở Tài nguyên và Môi trường trong việc xây dựng cơ sở dữ liệu KTTV của thành phố.

Điều 20. Trách nhiệm của Đài Truyền hình thành phố Hồ Chí Minh

1. Tổ chức biên tập, phát bản tin lên chương trình truyền hình thành phố, đưa tin hàng ngày các bản tin dự báo KTTV, bản tin bão, áp thấp nhiệt đới, tin cảnh báo thời tiết nguy hiểm do Đài Khí tượng Thủy văn khu vực Nam Bộ cung cấp; thông báo khẩn cấp quyết định của Ủy ban nhân dân thành phố về việc di tản dân để tránh bão, áp thấp nhiệt đới, động đất, sóng thần và các hiện tượng thời tiết nguy hiểm khác vào khung giờ, thời lượng phát sóng, tần suất phát bản tin theo quy định.

2. Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường trong công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức về KTTV và BĐKH.

3. Tham gia đưa tin, bài tại các buổi hội nghị, họp báo về KTTV, BĐKH do Ủy ban nhân dân thành phố và Sở Tài nguyên và môi trường tổ chức.

Điều 21. Trách nhiệm của Đài Tiếng nói nhân dân thành phố Hồ Chí Minh

1. Biên tập bản tin lên sóng phát thanh, đưa tin hàng ngày các bản tin dự báo KTTV, bản tin bão, áp thấp nhiệt đới, tin cảnh báo thời tiết nguy hiểm do Đài Khí tượng Thủy văn khu vực Nam Bộ cung cấp; thông báo khẩn cấp quyết định của Ủy ban nhân dân thành phố về việc di tản dân để tránh bão, áp thấp nhiệt đới, động đất, sóng thần và các hiện tượng thời tiết nguy hiểm khác vào khung giờ, thời lượng phát sóng, tần suất phát bản tin theo quy định.

2. Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường trong công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức về KTTV và BĐKH.

3. Tham gia đưa tin, bài tại các buổi hội nghị, họp báo về KTTV, BĐKH do Ủy ban nhân dân thành phố và Sở Tài nguyên và môi trường tổ chức.

Điều 22. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường lập kế hoạch phát triển mạng lưới trạm KTTV chuyên dùng theo nhu cầu khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu KTTV phục vụ quy hoạch phát triển ngành, kinh tế - xã hội của thành phố.

2. Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, Đài Khí tượng Thủy văn khu vực Nam Bộ thực hiện điều tra, khảo sát để bổ sung thông tin, dữ liệu về KTTV đáp ứng nhu cầu sử dụng thông tin, dữ liệu KTTV phục vụ quy hoạch phát triển ngành, kinh tế - xã hội của thành phố.

3. Lồng ghép nội dung phòng, chống thiên tai khi xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn. Rà soát, bổ sung các nội dung phòng, chống thiên tai mà trước đây chưa đề cập hoặc đã có đề cập nhưng chưa phù hợp với quy hoạch và tiêu chuẩn phòng, chống thiên tai hoặc có nguy cơ gây mất an toàn cho hệ thống công trình chuyên dụng cho phòng, chống thiên tai tại địa phương.

4. Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường kiểm tra, có ý kiến thẩm định trong quy trình cấp, gia hạn, sửa đổi, bổ sung giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo KTTV khi có yêu cầu. Nội dung ý kiến thẩm định liên quan đến pháp lý của tổ chức hoạt động dự báo, cảnh báo KTTV theo quy định tại Điều 15 Nghị định số 38/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khí tượng thủy văn.

5. Tiếp nhận kế hoạch tác động vào thời tiết của cơ quan, tổ chức, cá nhân, chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã lấy ý kiến cộng đồng dân cư trên địa bàn các xã chịu tác động trực tiếp từ kế hoạch tác động vào thời tiết đối với trường hợp kế

hoạch tác động vào thời tiết ảnh hưởng đến khu vực là địa bàn từ 02 đơn vị hành chính cấp xã trở lên.

6. Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra việc thi hành pháp luật, giải quyết các tranh chấp, khiếu nại, tố cáo và xử lý các vi phạm pháp luật về KTTV theo quy định của pháp luật.

7. Thực hiện công tác báo cáo định kỳ trước ngày 10 tháng 12 hàng năm và đột xuất cho Sở Tài nguyên và Môi trường về tình hình hoạt động KTTV; các tổ chức, cá nhân có công trình khí tượng thủy văn không phục vụ cho hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn; kế hoạch tác động vào thời tiết đã tiếp nhận; tình hình quản lý mốc giới hành lang bảo vệ an toàn công trình KTTV của tổ chức, cá nhân; công tác phòng, chống thiên tai KTTV xảy ra trên địa bàn.

Điều 23. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Phối hợp Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện điều tra, khảo sát để bổ sung thông tin, dữ liệu về KTTV đáp ứng nhu cầu sử dụng thông tin, dữ liệu KTTV phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của thành phố.

2. Phối hợp Sở Tài nguyên và môi trường có ý kiến về pháp lý quyền sử dụng đất trong việc công bố công khai mốc giới, cắm mốc giới trên thực địa, quản lý mốc giới hành lang bảo vệ an toàn công trình KTTV của tổ chức là đơn vị sự nghiệp công lập. Quản lý hồ sơ, chỉ giới đất, phạm vi hành lang kỹ thuật công trình của các tổ chức, cá nhân khác trên địa bàn.

3. Triển khai đến các ban ngành, đoàn thể và các đơn vị có liên quan lồng ghép nội dung phòng, chống thiên tai khi xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn. Rà soát, bổ sung các nội dung phòng, chống thiên tai mà trước đây chưa đề cập hoặc đã có đề cập nhưng chưa phù hợp với quy hoạch và tiêu chuẩn phòng, chống thiên tai hoặc có nguy cơ gây mất an toàn cho hệ thống công trình chuyên dụng cho phòng, chống thiên tai tại địa phương.

4. Tiếp nhận kế hoạch tác động vào thời tiết của cơ quan, tổ chức, cá nhân, chủ trì họp lấy ý kiến cộng đồng dân cư gồm thành phần đại diện Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp và đại diện một số tổ dân phố trên địa bàn xã chịu tác động trực tiếp từ kế hoạch tác động vào thời tiết, tổng hợp ý kiến và cho ý kiến phản hồi với từng nội dung của kế hoạch tác động vào thời tiết đối với trường hợp kế hoạch tác động vào thời tiết ảnh hưởng đến khu vực là địa bàn đơn vị hành chính cấp xã.

5. Phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện lấy ý kiến cộng đồng dân cư gồm thành phần đại diện Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp và đại diện một số tổ dân phố trên địa bàn xã chịu tác động trực tiếp từ kế hoạch tác động vào thời tiết đối với trường hợp kế hoạch tác động vào thời tiết ảnh hưởng đến khu vực là địa bàn từ 02 đơn vị hành chính cấp xã trở lên.

6. Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra việc thi hành pháp luật, giải quyết các tranh chấp, khiếu nại, tố cáo và xử lý các vi phạm pháp luật về KTTV theo quy định của pháp luật.

7. Thực hiện công tác báo cáo định kỳ trước ngày 01 tháng 12 hàng năm và đột xuất cho Ủy ban nhân dân cấp huyện về tình hình hoạt động KTTV, thiên tai KTTV xảy ra trên địa bàn. Nội dung báo cáo gồm tình hình quản lý mốc giới hành lang bảo vệ an toàn công trình KTTV của tổ chức, cá nhân và công tác phòng, chống thiên tai KTTV xảy ra trên địa bàn.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 24. Trách nhiệm thi hành

Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường; thủ trưởng các Sở, ban, ngành có liên quan; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã theo chức năng và nhiệm vụ của mình có trách nhiệm hướng dẫn, đôn đốc, thực hiện và kiểm tra việc thực hiện Quy chế này.

Điều 25. Điều khoản thi hành

Trong quá trình thực hiện Quy chế này, nếu phát sinh vướng mắc, không phù hợp thì các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố (thông qua Sở Tài nguyên và Môi trường) để Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định sửa đổi, bổ sung quy chế cho phù hợp./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Võ Văn Hoan

PHỤ LỤC
DANH MỤC DỮ LIỆU ĐÀI KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN KHU VỰC NAM BỘ
CHIA SẺ VỚI SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

(Đính kèm Quyết định số 29/2019/QĐ-UBND ngày 26 tháng 11 năm 2019 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành Quy chế phối hợp quản lý hoạt động khí tượng thủy văn trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh)

Bảng 1. Dữ liệu chia sẻ với Sở Tài nguyên và Môi trường không thu phí phục vụ công tác quản lý nhà nước về khí tượng thủy văn

STT	Tên dữ liệu	Loại dữ liệu	Trạm
1	Bức xạ	Đặc trưng tháng	Trạm chuyên dùng TPHCM và các trạm quốc gia
2	Áp suất khí quyển	Đặc trưng tháng	
3	Gió	Đặc trưng tháng	
4	Bốc hơi	Đặc trưng tháng	
5	Nhiệt độ không khí	Đặc trưng tháng	
6	Độ ẩm không khí	Đặc trưng tháng	
7	Lượng mưa	Đặc trưng tháng	
8	Thời gian nắng	Đặc trưng tháng	
9	Tầm nhìn xa	Đặc trưng tháng	
10	Độ mặn	Đặc trưng tháng	
11	Mức nước	Đặc trưng tháng	

1. Thời gian cung cấp số liệu:

- Các số liệu trong năm (tháng 10 năm trước đến tháng 10 năm hiện tại) được cung cấp trong tháng 12 hàng năm.

- Riêng số liệu mực nước và mặn của năm trước sẽ được cung cấp vào cuối tháng 4 của năm sau.

2. Phương thức cung cấp dữ liệu: Tập tin thông qua thư điện tử/cấp quyền truy cập vào máy chủ của Đài KTTV khu vực Nam Bộ để tải dữ liệu.

3. Giới hạn khi chia sẻ lại cho các đơn vị khác

a) Đối với các Sở Ban ngành Thành phố: Chia sẻ và sử dụng nhằm mục đích quản lý Nhà nước theo quy định tại Điều 23 Nghị định số 38/2016/NĐ-CP ngày 15

tháng 5 năm 2016 của Chính phủ.

b) Đối với các đề tài khoa học cấp thành phố, cấp Sở; các cơ quan tổ chức khác:

- Mục đích phục vụ cho công tác quản lý Nhà nước về KTTV trên địa bàn; điểm c khoản 2 Điều 23 Nghị định số 38/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ không phải thu phí.

- Các mục đích khác được thu phí theo quy định tại Thông tư hợp nhất số 16/VBHN-BTC của Bộ Tài chính ngày 22 tháng 01 năm/2019.

Bảng 2. Dữ liệu chia sẻ với Sở Tài nguyên và Môi trường không thu phí phục vụ công tác phòng chống thiên tai (vận hành, cập nhật các bản đồ cảnh báo thiên tai).

STT	Tên dữ liệu	Loại dữ liệu	Trạm
1	Bức xạ	Theo giờ, ngày	Trạm chuyên dùng TPHCM và các trạm quốc gia
2	Áp suất khí quyển	Đặc trưng tháng	
3	Gió (vận tốc, hướng gió)	Theo giờ	
4	Bốc hơi	Theo giờ	
5	Nhiệt độ không khí	Theo giờ	
6	Độ ẩm không khí	Theo giờ	
7	Lượng mưa thời đoạn (5', 10', 15'...)	Theo từng giờ	
8	Lượng mưa ngày	Đặc trưng ngày	
9	Thời gian nắng	Đặc trưng ngày	
10	Tầm nhìn xa	Theo giờ quan trắc	
11	Độ mặn	Theo giờ	
12	Mực nước	Theo giờ	

1. Thời gian cung cấp số liệu:

- Các số liệu quan trắc truyền thống được cung cấp 3 tháng sau quan trắc (cùng với thời điểm giao nộp số liệu do Tổng cục Khí tượng Thủy văn theo quy định).
- Số liệu các trạm KTV tự động được cung cấp hàng ngày.

2. Phương thức cung cấp dữ liệu: Flie mềm thông qua thư điện tử hoặc truy cập vào máy chủ của Đài Khí tượng Thủy văn khu vực Nam Bộ để tải dữ liệu.

3. Giới hạn khi chia sẻ lại cho các đơn vị khác

c) Đối với các Sở Ban ngành Thành phố: Chia sẻ và sử dụng nhằm mục đích quản lý Nhà nước, nội dung nêu tại Điều 23 Nghị định số 38/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ.

d) Đối với các đề tài khoa học cấp thành phố, cấp Sở; các cơ quan tổ chức khác:

- Mục đích phục vụ cho công tác quản lý Nhà nước về KTTV trên địa bàn; điểm c khoản 2 Điều 23 Nghị định số 38/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của

Chính phủ không phải thu phí.

- Các mục đích khác được thu phí theo quy định tại Thông tư hợp nhất số 16/VBHN-BTC của Bộ Tài chính ngày 22/01/2019.

PHẦN VĂN BẢN KHÁC

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 5038/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 11 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý
của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định có liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 35261/TTr-SLĐTBXH ngày 18 tháng 10 năm 2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội gồm 05 thủ tục hành chính mới ban hành; 05 thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; 01 thủ tục

hành chính thay thế và 04 thủ tục hành chính bị bãi bỏ (02 thủ tục bãi bỏ do được thay thế).

Danh mục thủ tục hành chính đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố tại địa chỉ <http://vpub.hochiminhcity.gov.vn/portal/Home/danh-muc-tthc/default.aspx>.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 26 tháng 11 năm 2019.

Bãi bỏ nội dung công bố cho:

- Thủ tục C.I.21 ban hành kèm theo Quyết định số 290/QĐ-UBND ngày 19 tháng 01 năm 2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố về việc công bố thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý và giải quyết của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội được chuẩn hóa tại thành phố Hồ Chí Minh.

- Các thủ tục A1.I.13, A1.I.14, A1.I.15, A1.I.16, A1.I.17 ban hành kèm theo Quyết định số 2375/QĐ-UBND ngày 04 tháng 6 năm 2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố về việc công bố danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

- Thủ tục AI.1 ban hành kèm theo Quyết định số 3258/QĐ-UBND ngày 02 tháng 8 năm 2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

- Thủ tục A1.II.1, A2.I.1 ban hành kèm theo Quyết định số 3831/QĐ-UBND ngày 05 tháng 9 năm 2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, các tổ chức cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thành Phong

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI
(Ban hành kèm theo Quyết định số 5038/QĐ-UBND ngày 26 tháng 11 năm 2019
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố)

A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH THUỘC THẨM QUYỀN TIẾP NHẬN CỦA SỞ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
I. Lĩnh vực Giáo dục nghề nghiệp						
1	Giải thể trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; chấm dứt hoạt động phân hiệu của trường trung cấp có vốn đầu tư nước ngoài	20 ngày làm việc	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội (địa chỉ số 31, đường số 13, phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức)	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Giáo dục nghề nghiệp (có hiệu lực từ ngày 01/7/2015); - Nghị định số 143/2016/NĐ-CP ngày 14/10/2016 của Chính phủ quy định quy định điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp (có hiệu lực từ ngày 14/10/2016); - Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh và thủ tục hành chính thuộc 	<ul style="list-style-type: none"> 1. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: - Cơ quan tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả: Sở Lao động, Thương binh và Xã hội. - Cơ quan/người có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố 2. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: bổ sung văn bản từ chối nêu rõ lý do 3. Cách thức thực hiện:

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					<p>phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (có hiệu lực từ ngày 08/10/2018);</p> <p>- Nghị định số 15/2019/NĐ-CP ngày 01/02/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành của Luật giáo dục nghề nghiệp (có hiệu lực từ ngày 20/3/2019);</p> <p>- Quyết định số 981/QĐ-LĐTBXH ngày 10/7/2019 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.</p>	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua bưu điện.
2	Đổi tên trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có	05 ngày làm việc	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội (địa chỉ số 31,	Không	<p>- Luật Giáo dục nghề nghiệp (có hiệu lực từ ngày 01/7/2015);</p> <p>- Nghị định số 15/2019/NĐ-</p>	<p>1. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:</p> <p>- Cơ quan tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả: Sở</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	vốn đầu tư nước ngoài		đường số 13, phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức)		<p>CP ngày 01/02/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành của Luật giáo dục nghề nghiệp (có hiệu lực từ ngày 20/3/2019);</p> <p>- Quyết định số 981/QĐ-LĐTĐ ngày 10/7/2019 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.</p>	<p>Lao động, Thương binh và Xã hội.</p> <p>- Cơ quan/người có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố</p> <p>2. Trình tự thực hiện: Bước 2: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định cho phép đổi tên trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.</p> <p>3. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua bưu điện.</p>
3	Cho phép hoạt động liên kết đào tạo trở lại đối với trường	15 ngày làm việc	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội (địa chỉ số 31,	Không	<p>- Luật Giáo dục nghề nghiệp (có hiệu lực từ ngày 01/7/2015);</p> <p>- Nghị định số 143/2016/NĐ-</p>	1. Thời hạn giải quyết: 15 ngày làm việc (điểm b Khoản 5 Điều 26 Nghị định số

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp và doanh nghiệp		đường số 13, phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức)		<p>CP ngày 14/10/2016 của Chính phủ quy định quy định điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp (có hiệu lực từ ngày 14/10/2016);</p> <p>- Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh và thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (có hiệu lực từ ngày 08/10/2018);</p> <p>- Nghị định số 15/2019/NĐ-CP ngày 01/02/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành của Luật giáo dục nghề nghiệp (có hiệu lực từ ngày 20/3/2019);</p> <p>- Quyết định số 981/QĐ-LĐTĐ ngày 10/7/2019 của Bộ trưởng Bộ Lao động -</p>	<p>15/2019/NĐ-CP).</p> <p>2. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua bưu điện.</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					Thương binh và Xã hội về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.	
4	Cho phép thành lập trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp tư thực hoạt động không vì lợi nhuận	20 ngày làm việc	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội (địa chỉ số 31, đường số 13, phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức)	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Giáo dục nghề nghiệp (có hiệu lực từ ngày 01/7/2015); - Nghị định số 143/2016/NĐ-CP ngày 14/10/2016 của Chính phủ quy định quy định điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp (có hiệu lực từ ngày 14/10/2016); - Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh và thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh 	<ol style="list-style-type: none"> 1. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: <ul style="list-style-type: none"> - Cơ quan tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả: Sở Lao động, Thương binh và Xã hội. - Cơ quan/người có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố 2. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: bổ sung văn bản từ chối nêu rõ lý do 3. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua bưu điện.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					<p>và Xã hội (có hiệu lực từ ngày 08/10/2018);</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 15/2019/NĐ-CP ngày 01/02/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành của Luật giáo dục nghề nghiệp (có hiệu lực từ ngày 20/3/2019); - Quyết định số 981/QĐ-LĐTBXH ngày 10/7/2019 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. 	
5	Công nhận trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp tư thục, trường trung	20 ngày làm việc	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội (địa chỉ số 31, đường số 13, phường Hiệp	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Giáo dục nghề nghiệp (có hiệu lực từ ngày 01/7/2015); - Nghị định số 15/2019/NĐ-CP ngày 01/02/2019 của Chính phủ quy định chi tiết 	<p>1. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cơ quan tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả: Sở Lao động, Thương binh và Xã hội.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chuyển sang hoạt động không vì lợi nhuận		Bình Chánh, quận Thủ Đức)		<p>một số điều và biện pháp thi hành của Luật giáo dục nghề nghiệp (có hiệu lực từ ngày 20/3/2019);</p> <p>- Quyết định số 981/QĐ-LĐTBXH ngày 10/7/2019 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.</p>	<p>- Cơ quan/người có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố</p> <p>2. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: bổ sung văn bản từ chối nêu rõ lý do</p> <p>3. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua bưu điện.</p>

B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG THUỘC THẨM QUYỀN TIẾP NHẬN CỦA SỞ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

TT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
I. Lĩnh vực Giáo dục nghề nghiệp							
1	BLĐ-TBVXH-HCM-286298	Cho phép thành lập trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài hoạt động không vì lợi nhuận	28 ngày làm việc	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội (địa chỉ số 31, đường số 13, phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức)	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Giáo dục nghề nghiệp (có hiệu lực từ ngày 01/7/2015); - Nghị định số 143/2016/NĐ-CP ngày 14/10/2016 của Chính phủ quy định quy định điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp (có hiệu lực từ ngày 14/10/2016); - Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh và thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh 	<p>1. Thành phần hồ sơ: tại điểm g (gạch đầu dòng thứ nhất):</p> <ul style="list-style-type: none"> - Văn bản cam kết của các tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu nguồn vốn đầu tư cam kết việc sử dụng phần tài chính chênh lệch giữa thu và chi của cơ sở giáo dục nghề nghiệp tự thực, cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài theo quy định tại khoản 1 Điều 37 Nghị định số 15/2019/NĐ-CP, cụ thể: a) Chênh lệch giữa

TT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						<p>và Xã hội (có hiệu lực từ ngày 08/10/2018);</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 15/2019/NĐ-CP ngày 01/02/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành của Luật giáo dục nghề nghiệp (có hiệu lực từ ngày 20/3/2019); - Quyết định số 981/QĐ-LĐTBXH ngày 10/7/2019 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. 	<p>thu và chi từ hoạt động đào tạo nghề nghiệp, nghiên cứu khoa học hàng năm của cơ sở giáo dục nghề nghiệp là tài sản sở hữu chung hợp nhất không phân chia, dùng để đầu tư phát triển cơ sở vật chất; phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý; hoạt động nghiên cứu khoa học; cấp học bổng cho người học và sử dụng cho các mục tiêu phục vụ lợi ích cộng đồng khác;</p> <p>b) Có cam kết hoạt động không vì lợi nhuận với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi trường trung cấp, trung tâm giáo</p>

TT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
							<p>dục nghề nghiệp đặt trụ sở chính. Cam kết được công bố công khai để xã hội biết và giám sát;</p> <p>c) Tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu nguồn vốn đầu tư không nhận lợi tức, hoặc nhận lợi tức nhưng không vượt quá lãi suất trái phiếu Chính phủ quy định trong cùng thời kỳ.</p> <p>2. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cơ quan tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả: Sở Lao động, Thương binh và Xã hội. - Cơ quan/người có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy

TT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
							ban nhân dân thành phố 3. Bổ sung yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Có cam kết hoạt động không vì lợi nhuận với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Cam kết được công bố công khai để xã hội biết và giám sát. 4. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua bưu điện.
2	BLĐ-TBVXH-HCM-286301	Chia, tách, sáp nhập trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	10 ngày làm việc	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội (địa chỉ số 31, đường số 13, phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức)	Không	- Luật Giáo dục nghề nghiệp (có hiệu lực từ ngày 01/7/2015); - Nghị định số 143/2016/NĐ-CP ngày 14/10/2016 của Chính phủ quy định quy định điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục	1. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: - Cơ quan tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả: Sở Lao động, Thương binh và Xã hội. - Cơ quan/ người có

TT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
				Đức)		<p>dục nghề nghiệp (có hiệu lực từ ngày 14/10/2016);</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh và thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (có hiệu lực từ ngày 08/10/2018); - Nghị định số 15/2019/NĐ-CP ngày 01/02/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành của Luật giáo dục nghề nghiệp (có hiệu lực từ ngày 20/3/2019); - Quyết định số 981/QĐ-LĐTBXH ngày 10/7/2019 của Bộ trưởng 	<p>thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố</p> <p>2. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: bổ sung văn bản từ chối nêu rõ lý do</p> <p>3. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua bưu điện.</p>

TT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.	
3	BLĐ- TBVXH- HCM- 286297	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động liên kết đào tạo với nước ngoài đối với trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp và doanh nghiệp	15 ngày làm việc	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội (địa chỉ số 31, đường số 13, phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức)	Không	- Luật Giáo dục nghề nghiệp (có hiệu lực từ ngày 01/7/2015); - Nghị định số 143/2016/NĐ-CP ngày 14/10/2016 của Chính phủ quy định quy định điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp (có hiệu lực từ ngày 14/10/2016); - Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung các	Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua bưu điện.

TT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						<p>Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh và thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (có hiệu lực từ ngày 08/10/2018);</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 15/2019/NĐ-CP ngày 01/02/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành của Luật giáo dục nghề nghiệp (có hiệu lực từ ngày 20/3/2019); - Quyết định số 981/QĐ-LĐTĐ ngày 10/7/2019 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý của 	

TT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.	
II. Lĩnh vực quản lý lao động nước ngoài							
1		Đề nghị tất toán tài khoản ký quỹ của doanh nghiệp đưa người lao động đi thực tập nâng cao tay nghề dưới 90 ngày	7 ngày	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội (địa chỉ số 31, đường số 13, phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức)	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng (có hiệu lực từ ngày 01/7/2007). - Thông tư liên tịch số 17/2007/TTLT-BLĐTBXH-NHNNVN ngày 04/9/2007 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định cụ thể việc quản lý và sử dụng tiền ký quỹ của doanh nghiệp và tiền ký quỹ của người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng (có hiệu lực từ ngày 01/10/2007). - Thông tư số 	

TT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						<p>18/2018/TT-BLĐTBXH ngày 30/10/2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư liên quan đến thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (có hiệu lực từ ngày 18/12/2018).</p> <p>- Quyết định số 487/QĐ-LĐTBXH ngày 04/4/2019 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung lĩnh vực quản lý lao động ngoài nước thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.</p>	

C. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG THUỘC THẨM QUYỀN TIẾP NHẬN CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ

TT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
1. Lĩnh vực Người có công							
1	T-HCM-272470-TT	Hồ sơ, thủ tục thực hiện chế độ trợ cấp một lần đối với thân nhân người hoạt động kháng chiến được tặng huân chương, huy chương chết trước ngày 01 tháng 01 năm 1995 mà chưa được hưởng chế độ ưu đãi.	25 ngày	Ủy ban nhân dân cấp xã	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng (có hiệu lực từ ngày 01/10/2005); - Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng (có hiệu lực từ ngày 01/9/2012); - Nghị định số 31/2013/NĐ-CP ngày 09/4/2013 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng (có hiệu lực từ ngày 01/6/2013); - Thông tư số 05/2013/TT-BLĐTBXH ngày 15/5/2013 của Bộ 	<p>1. Trình tự thực hiện: Bước 1: Đại diện thân nhân lập bản khai kèm biên bản ủy quyền kèm bản sao các giấy tờ theo quy định gửi Ủy ban nhân dân cấp xã.</p> <p>- Bước 3: Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội trong thời gian 10 ngày kể từ ngày nhận đủ giấy tờ, có trách nhiệm kiểm tra, lập danh sách kèm Bản sao Giấy chứng tử do Ủy ban nhân dân cấp xã cấp hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý xác định người có</p>

					<p>Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn về thủ tục lập hồ sơ, quản lý hồ sơ, thực hiện chế độ ưu đãi người có công với cách mạng và thân nhân (có hiệu lực từ ngày 01/7/2013);</p> <p>- Thông tư 16/2014/TT-BLĐTBXH ngày 30/7/2014 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn một số nội dung xác nhận và thực hiện chế độ ưu đãi người có công với cách mạng (có hiệu lực từ ngày 15/9/2014);</p> <p>- Thông tư số 18/2018/TT-BLĐTBXH ngày 30/10/2018 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư liên quan đến thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội</p>	<p>công đã chệugiữ Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.</p> <p>2. Điều chỉnh thành phần hồ sơ như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bản khai của đại diện thân nhân (Mẫu 3); - Bản sao Giấy chứng tử do Ủy ban nhân dân cấp xã cấp hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý xác định người có công đã chết; - Bản sao một trong các giấy tờ quy định tại Thông tư số 05/2013/TT-BLĐTBXH; + Đối với người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế: Huân chương Kháng chiến, Huy chương Kháng chiến, Huân
--	--	--	--	--	---	---

					<p>(có hiệu lực từ ngày 18/12/2018);</p> <p>- Quyết định số 902/QĐ-LĐTĐ ngày 24/6/2019 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi lĩnh vực người có công thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.</p>	<p>chương Chiến thắng, Huy chương Chiến thắng, Giấy chứng nhận về khen thưởng tổng kết thành tích kháng chiến và thời gian hoạt động kháng chiến thực tế của cơ quan Thi đua - Khen thưởng cấp huyện.</p> <p>+ Đối với người có công giúp đỡ cách mạng, cụ thể: Giấy chứng nhận Kỷ niệm chương “Tổ quốc ghi công”, Bằng “Có công với nước”, Huân chương Kháng chiến, Huy chương Kháng chiến, Quyết định khen thưởng.</p> <p>3. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:</p> <p>- Cơ quan tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả: Ủy ban nhân dân cấp xã</p> <p>- Cơ quan/người có thẩm quyền quyết</p>
--	--	--	--	--	--	---

							định: Sở Lao động, Thương binh và Xã hội. 4. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua bưu điện.
--	--	--	--	--	--	--	--

D. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THAY THẾ THUỘC THẨM QUYỀN TIẾP NHẬN CỦA SỞ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
Lĩnh vực Giáo dục nghề nghiệp						
1	Cho phép thành lập phân hiệu của trường trung cấp có vốn đầu tư nước ngoài	10 ngày làm việc	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội (địa chỉ số 31, đường số 13, phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức)	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Giáo dục nghề nghiệp (có hiệu lực từ ngày 01/7/2015); - Nghị định số 143/2016/NĐ-CP ngày 14/10/2016 của Chính phủ quy định quy định điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp (có hiệu lực từ ngày 14/10/2016); - Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung các Nghị định 	1. Điều chỉnh thành phần hồ sơ 1.3.c như sau: Bản sao các giấy tờ pháp lý chứng minh cơ sở vật chất và năng lực tài chính theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 11 Nghị định số 15/2019/NĐ-CP, cụ thể:

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					<p>liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh và thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (có hiệu lực từ ngày 08/10/2018);</p> <p>- Nghị định số 15/2019/NĐ-CP ngày 01/02/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành của Luật giáo dục nghề nghiệp (có hiệu lực từ ngày 20/3/2019);</p> <p>- Quyết định số 981/QĐ-LĐTĐ ngày 10/7/2019 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.</p>	<p>- Có hợp đồng hoặc thỏa thuận về nguyên tắc thuê cơ sở vật chất phù hợp và ổn định trong thời gian ít nhất là 05 năm.</p> <p>- Mức đầu tư ít nhất phải đạt 25% các mức quy định tại các điểm a, b và c khoản 4 Điều 9 Nghị định này, cụ thể:</p> <p>+ Đối với trung tâm giáo dục nghề nghiệp tối thiểu là 05 (năm) tỷ đồng;</p> <p>+ Đối với trường trung cấp tối thiểu là 50 (năm mươi) tỷ đồng;</p> <p>+ Đối với trường cao đẳng tối thiểu là 100 (một trăm) tỷ đồng.</p> <p>2. Cơ quan thực hiện</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						<p>thủ tục hành chính:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cơ quan tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả: Sở Lao động, Thương binh và Xã hội. - Cơ quan/người có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố <p>3. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: bổ sung văn bản từ chối nêu rõ lý do</p> <p>4. Bổ sung yêu cầu điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vốn đầu tư thành lập bằng nguồn vốn hợp pháp, không bao gồm giá trị về đất đai tối thiểu phải đạt 25% mức quy định tại điểm b khoản 4 Điều 9 Nghị định số

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						<p>15/2019/NĐ-CP: Đối với trường trung cấp tối thiểu là 50 (năm mươi) tỷ đồng.</p> <p>5. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua bưu điện.</p>

D. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ THUỘC THẨM QUYỀN TIẾP NHẬN CỦA SỞ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

TT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Văn bản quy định việc bãi bỏ
I. Lĩnh vực Giáo dục nghề nghiệp			
1	BLĐ-TBVXH-HCM-286300	Cho phép mở phân hiệu của trường trung cấp có vốn đầu tư nước ngoài (trong cùng một tỉnh, thành phố với trụ sở chính của trường trung cấp)	Nghị định số 15/2019/NĐ-CP ngày 01/02/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật giáo dục nghề nghiệp (bị thay thế bởi thủ tục Cho phép thành lập phân hiệu của trường trung cấp có vốn đầu tư nước ngoài)
2	BLĐ-TBVXH-HCM-286299	Cho phép mở phân hiệu của trường trung cấp có vốn đầu tư nước ngoài (tại các tỉnh, thành phố khác với tỉnh, thành phố nơi đặt trụ sở chính của trường trung cấp)	Nghị định số 15/2019/NĐ-CP ngày 01/02/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật giáo dục nghề nghiệp (bị thay thế bởi thủ tục Cho phép thành lập phân hiệu của trường trung cấp có vốn đầu tư nước ngoài)
II. Lĩnh vực An toàn lao động			
1	BLĐ-TBVXH-HCM-286399	Hỗ trợ huấn luyện thông qua Tổ chức huấn luyện cho người lao động ở khu vực không có hợp đồng lao động	- Khoản 16 Điều 1 Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh và thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (có hiệu lực từ ngày 08/10/2018); - Thông tư số 31/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26/12/2018 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định chi tiết thi hành hoạt động huấn luyện an toàn vệ sinh lao động.

E. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ THUỘC THẨM QUYỀN TIẾP NHẬN CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN - HUYỆN

TT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Văn bản quy định việc bãi bỏ
I. Lĩnh vực An toàn lao động			
1	BLĐ-TBVXH-HCM-286400	Hỗ trợ huấn luyện trực tiếp cho người lao động ở khu vực không có hợp đồng lao động	<ul style="list-style-type: none">- Khoản 16 Điều 1 Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh và thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (có hiệu lực từ ngày 08/10/2018);- Thông tư số 31/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26/12/2018 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định chi tiết thi hành hoạt động huấn luyện an toàn vệ sinh lao động.

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 5069/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 11 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng
quản lý của Sở Tài nguyên và Môi trường**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 10046/TTr-STNMT-VP ngày 19 tháng 11 năm 2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này danh mục 02 thủ tục hành chính mới trong lĩnh vực tài nguyên nước thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường.

Danh mục thủ tục hành chính đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố tại địa chỉ <http://vpub.hochiminhcity.gov.vn/portal/Home/danh-muc-tthc/default.aspx>.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 28 tháng 11 năm 2019.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thành Phong

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ
CỦA SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 5069/QĐ-UBND ngày 28 tháng 11 năm 2019
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố)*

Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành thuộc thẩm quyền tiếp nhận của Sở Tài nguyên và Môi trường

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
1	Điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước	20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.	Sở Tài nguyên và Môi trường. Địa chỉ số 63 Lý Tự Trọng, phường Bến Nghé, Quận 1.	Không	<ul style="list-style-type: none">- Luật Tài nguyên nước năm 2012.- Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tài nguyên nước.- Nghị định số 82/2017/NĐ-CP của Chính phủ ngày 17/7/2017 quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước.- Quyết định số 57/2015/QĐ-UBND ngày 10/12/2015 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành quy định quản lý tài nguyên nước trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.- Quyết định số 2528/QĐ-BTNMT ngày 18/10/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính mới ban

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
					hành, được sửa đổi, bổ sung, thay thế thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài nguyên và Môi trường
2	Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với trường hợp tổ chức, cá nhân đã được cấp giấy phép trước ngày Nghị định số 82/2017/NĐ-CP có hiệu lực thi hành	<p>- Thời hạn kiểm tra hồ sơ: Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm xem xét, kiểm tra hồ sơ tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, trong thời hạn 02 ngày làm việc, Sở Tài nguyên và Môi trường trả lại hồ sơ kèm theo văn bản giải thích rõ lý do.</p> <p>- Thời hạn thẩm định hồ sơ và phê duyệt tiền cấp quyền: Không quá 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tổ chức thẩm định hồ sơ tính tiền cấp</p>	Sở Tài nguyên và Môi trường. Địa chỉ số 63 Lý Tự Trọng, phường Bến Nghé, Quận 1.	Không	<p>- Luật Tài nguyên nước năm 2012.</p> <p>- Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tài nguyên nước.</p> <p>- Nghị định số 82/2017/NĐ-CP của Chính phủ ngày 17/7/2017 quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước.</p> <p>- Quyết định số 57/2015/QĐ-UBND ngày 10/12/2015 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành Quy định quản lý tài nguyên nước trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.</p> <p>- Quyết định số 2528/QĐ-BTNMT ngày 18/10/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung, thay thế thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài nguyên và Môi trường</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		<p>quyền khai thác tài nguyên nước và trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước;</p> <p>- Thời hạn gửi thông báo: Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được quyết định phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước, Sở Tài nguyên và Môi trường gửi thông báo cho chủ giấy phép và Cục thuế thành phố kèm theo quyết định phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước</p>			

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 5070/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 11 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính bị bãi bỏ thuộc phạm vi
chức năng quản lý của Sở Giáo dục và Đào tạo**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định có liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tại Tờ trình số 4177/TTr-GDDT-VP ngày 11 tháng 11 năm 2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục 04 thủ tục hành chính bị bãi bỏ thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Giáo dục và Đào tạo.

Danh mục của thủ tục hành chính đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố tại địa chỉ <http://vpub.hochiminhcity.gov.vn/portal/Home/danh-muc-tthc/default.aspx>.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 28 tháng 11 năm 2019.

Bãi bỏ nội dung công bố liên quan đến:

Thủ tục có thứ tự 1.1 và 2.1 ban hành kèm theo Quyết định số 6440/QĐ-UBND ngày 04 tháng 12 năm 2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố về việc công bố thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giáo dục và Đào tạo, Phòng Giáo dục và Đào tạo quận - huyện trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

Thủ tục có thứ tự C.12 và C.21 ban hành kèm theo Quyết định số 4686/QĐ-UBND ngày 01 tháng 9 năm 2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về việc công bố thủ tục hành chính phạm vi chức năng quản lý của Sở Giáo dục và Đào tạo được chuẩn hóa tại thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thành Phong

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 5070/QĐ-UBND ngày 28 tháng 11 năm 2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố)

A. DANH MỤC THỦ TỤC BỊ BÃI BỎ THUỘC THẨM QUYỀN TIẾP NHẬN CỦA SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

TT	Mã TTHC công khai trên CSDL	Tên thủ tục hành chính	Văn bản quy định việc bãi bỏ
01	T-HCM-270086-TT	Cấp, gia hạn giấy phép tổ chức hoạt động dạy thêm, học thêm (có nội dung thuộc chương trình trung học phổ thông hoặc thuộc nhiều chương trình nhưng có chương trình cao nhất là chương trình trung học phổ thông)	Quyết định số 2499/QĐ-BGDĐT ngày 26 tháng 8 năm 2019 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về công bố hết hiệu lực các điều: 6, 8, 9, 10, 11, 12, 13 và 14 của thông tư số 17/2012/TT-BGDĐT ngày 16 tháng 5 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về dạy thêm, học thêm

B. DANH MỤC THỦ TỤC BỊ BÃI BỎ THUỘC THẨM QUYỀN TIẾP NHẬN CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP HUYỆN

TT	Mã TTHC công khai trên CSDL	Tên thủ tục hành chính	Văn bản quy định việc bãi bỏ
01	T-HCM-270089-TT	Cấp, gia hạn giấy phép tổ chức hoạt động dạy thêm, học thêm (có nội dung thuộc chương trình tiểu học, trung học cơ sở hoặc thuộc nhiều chương trình nhưng có chương trình cao nhất là chương trình trung học cơ sở)	Quyết định số 2499/QĐ-BGDĐT ngày 26 tháng 8 năm 2019 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về công bố hết hiệu lực các điều: 6, 8, 9, 10, 11, 12, 13 và 14 của thông tư số 17/2012/TT-BGDĐT ngày 16 tháng 5 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về dạy thêm, học thêm

TT	Mã TTHC công khai trên CSDL	Tên thủ tục hành chính	Văn bản quy định việc bãi bỏ
02	T-HCM-273282-TT	Công nhận trường tiểu học đạt mức chất lượng tối thiểu	<p>Thông tư số 17/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường tiểu học</p> <p><i>(bị thay thế bởi thủ tục công nhận trường tiểu học đạt chuẩn Quốc Gia)</i></p>
03	T-HCM-273296-TT	Thành lập trung tâm học tập cộng đồng tại xã, phường, thị trấn	<p>- Nghị định số 46/2017/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục.</p> <p>- Nghị định số 135/2018/NĐ-CP ngày 04 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 46/2017/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục</p> <p><i>(bị thay thế bởi thủ tục thành lập trung tâm học tập cộng đồng)</i></p>

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 5071/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 11 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng
quản lý của Ban Quản lý An toàn thực phẩm**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/08/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Xét đề nghị của Trưởng Ban Ban Quản lý An toàn thực phẩm thành phố tại Tờ trình số 2844/TTr-BQLATTP ngày 15/ 11 /2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục 03 thủ tục hành chính thay thế và 10 thủ tục hành chính bãi bỏ (trong đó có 06 thủ tục hành chính bãi bỏ do được thay thế) thuộc phạm vi chức năng quản lý của Ban Quản lý An toàn thực phẩm.

Danh mục thủ tục hành chính đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố tại địa chỉ <http://vpub.hochiminhcity.vn/portral/Home/danh-muc-tthc/default.aspx>.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 28 tháng 11 năm 2019.

Bãi bỏ các nội dung công bố liên quan đến thủ tục: B.2, B.3, B.4, B.5, B.6, B.7,

C.2, C.3, C.4, C.5 được ban hành kèm theo Quyết định số 3449/QĐ-UBND ngày 17 tháng 8 năm 2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố về việc công bố thủ tục hành chính được chuẩn hóa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Ban Quản lý An toàn thực phẩm.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Trưởng Ban Ban Quản lý An toàn thực phẩm thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thành Phong

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ
CỦA BAN QUẢN LÝ AN TOÀN THỰC PHẨM**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 5071/QĐ-UBND ngày 28 tháng 11 năm 2019
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố)*

A. Danh mục thủ tục hành chính thay thế thuộc thẩm quyền tiếp nhận của Ban Quản lý An toàn thực phẩm

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
I. An toàn thực phẩm trong lĩnh vực Công Thương						
1	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đủ và hợp lệ	Ban Quản lý An toàn thực phẩm (18 Cách Mạng Tháng Tám, phường Bến Thành, Quận 1)	- Phí thẩm định kinh doanh thực phẩm: 1.000.000 đồng/ lần/ cơ sở - Phí thẩm định cơ sở sản xuất thực phẩm: 2.500.000 đồng/ lần/ cơ sở	- Luật An toàn thực phẩm; - Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm. - Thông tư 43/2018/TT-BCT ngày 15 tháng 11 năm 2018 của Bộ Công Thương quy định về quản lý an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm của Bộ Công	1. Trình tự thực hiện: - Các cơ sở sản xuất, kinh doanh sản phẩm thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý của Ban Quản lý An toàn thực phẩm đăng ký hồ sơ cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm tại Ban Quản lý An toàn thực phẩm. - Các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm gồm: + Cơ sở sản xuất các sản phẩm thực phẩm có

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					<p>Thương.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 117/2018/TT-BTC ngày 28/11/2018 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 279/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong công tác an toàn thực phẩm - Thông tư số 279/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong công tác an toàn vệ sinh thực phẩm. - Quyết định số 06/2017/QĐ-UBND 	<p>công suất thiết kế nhỏ hơn các cơ sở quy định tại điểm a Khoản 1, Điều 6 Thông tư 43/2018/TT-BCT gồm rượu, bia, nước giải khát, sữa chế biến, dầu thực vật, bánh kẹo, bột và tinh bột.</p> <p>+ Cơ sở bán buôn, bán lẻ thực phẩm (bao gồm cả thực phẩm tổng hợp) của thương nhân trên địa bàn thành phố; chuỗi siêu thị mini và chuỗi cửa hàng tiện lợi có diện tích tương đương siêu thị mini theo quy định pháp luật.</p> <p>+ Cơ sở vừa sản xuất vừa kinh doanh tại cùng 1 địa điểm có công suất thiết kế theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 6 Thông tư 43/2018/TT-</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					<p>ngày 02/02/2017 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Quản lý An toàn thực phẩm thành phố Hồ Chí Minh.</p> <p>- Quyết định số 4501/QĐ-BCT ngày 05/12/2018 của Bộ Công Thương về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành/ bãi bỏ trong lĩnh vực an toàn thực phẩm thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương</p>	<p>BCT</p> <p>+ Cơ sở sản xuất, kinh doanh nhiều loại sản phẩm thuộc quy định tại khoản 9 và khoản 10 Điều 36 Nghị định 15/2018/NĐ-CP</p> <p>2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp tại Ban Quản lý An toàn thực phẩm</p> <p>3. Cơ quan thực hiện TTHC: Ban Quản lý an toàn thực phẩm.</p>
2	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn	-Trường hợp cấp lại do Giấy chứng nhận bị mất hoặc bị hỏng: Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ	Ban Quản lý An toàn thực phẩm (18 Cách Mạng Tháng Tám,	- Trường hợp cấp lại do Giấy chứng nhận bị mất hoặc bị hỏng: Không thu phí	- Luật An toàn thực phẩm; - Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ quy định	<p>1. Trình tự thực hiện:</p> <p>- Các cơ sở sản xuất, kinh doanh sản phẩm thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý của Ban Quản lý An toàn thực</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm	<p>ngày nhận được Đơn đề nghị hợp lệ.</p> <p>-Trường hợp cơ sở thay đổi địa điểm sản xuất, kinh doanh; thay đổi, bổ sung quy trình sản xuất và khi Giấy chứng nhận hết hiệu lực (trong tự trường hợp đề nghị cấp lần đầu): 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ</p> <p>-Trường hợp cơ sở thay đổi tên cơ sở nhưng không thay đổi chủ cơ sở, địa chỉ, địa điểm và toàn bộ quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh:</p>	phường Bến Thành, Quận 1)	<p>- Trường hợp cơ sở thay đổi địa điểm sản xuất, kinh doanh; thay đổi, bổ sung quy trình sản xuất và khi Giấy chứng nhận hết hiệu lực:</p> <p>+ Phí thẩm định kinh doanh thực phẩm: 1.000.000 đồng/ lần/ cơ sở</p> <p>+ Phí thẩm định cơ sở sản xuất thực phẩm: 2.500.000 đồng/ lần/ cơ sở</p> <p>- Trường hợp cơ sở thay đổi tên cơ sở nhưng không thay đổi chủ cơ sở, địa</p>	<p>chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm;</p> <p>- Thông tư 43/2018/TT-BCT ngày 15 tháng 11 năm 2018 của Bộ Công Thương quy định về quản lý an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm của Bộ Công Thương.</p> <p>- Thông tư số 117/2018/TT-BTC ngày 28/11/2018 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 279/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong công tác an toàn thực phẩm</p> <p>- Thông tư số</p>	<p>phẩm đăng ký hồ sơ cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP tại Ban Quản lý An toàn thực phẩm.</p> <p>- Các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm gồm:</p> <p>+ Cơ sở sản xuất các sản phẩm thực phẩm có công suất thiết kế nhỏ hơn các cơ sở quy định tại điểm a Khoản 1, Điều 6 Thông tư 43/2018/TT-BCT gồm rượu, bia, nước giải khát, sữa chế biến, dầu thực vật, bánh kẹo, bột và tinh bột.</p> <p>+ Cơ sở bán buôn, bán lẻ thực phẩm (bao gồm cả thực phẩm tổng hợp) của thương nhân trên địa bàn thành phố; chuỗi siêu thị mini và</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		<p>Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Đơn đề nghị hợp lệ.</p> <p>-Trường hợp cơ sở thay đổi chủ cơ sở nhưng không thay đổi tên cơ sở, địa chỉ, địa điểm và toàn bộ quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh: Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Đơn đề nghị hợp lệ.</p>		<p>chỉ, địa điểm và toàn bộ quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh: Không thu phí</p> <p>-Trường hợp cơ sở thay đổi chủ cơ sở nhưng không thay đổi tên cơ sở, địa chỉ, địa điểm và toàn bộ quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh: Không thu phí</p>	<p>279/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong công tác an toàn vệ sinh thực phẩm.</p> <p>- Quyết định số 06/2017/QĐ-UBND ngày 02/02/2017 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Quản lý An toàn thực phẩm thành phố Hồ Chí Minh.</p> <p>- Quyết định số 4501/QĐ-BCT ngày 05/12/2018 của Bộ Công Thương về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành/ bãi bỏ trong lĩnh vực an toàn thực phẩm thuộc</p>	<p>chuỗi cửa hàng tiện lợi có diện tích tương đương siêu thị mini theo quy định pháp luật.</p> <p>+ Cơ sở vừa sản xuất vừa kinh doanh tại cùng 1 địa điểm có công suất thiết kế theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 6 Thông tư 43/2018/TT-BCT.</p> <p>+ Cơ sở sản xuất, kinh doanh nhiều loại sản phẩm thuộc quy định tại khoản 9 và khoản 10 Điều 36 Nghị định 15/2018/NĐ-CP</p> <p>2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp tại Ban Quản lý An toàn thực phẩm</p> <p>3. Cơ quan thực hiện TTHC: Ban Quản lý An toàn thực phẩm</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương	
II. An toàn thực phẩm trong lĩnh vực Y tế						
1	Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất thực phẩm, kinh doanh dịch vụ ăn uống	20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Ban Quản lý An toàn thực phẩm thành phố (18 Cách Mạng Tháng Tám, phường Bến Thành, Quận 1)	<ul style="list-style-type: none"> - Đối với cơ sở sản xuất nhỏ lẻ: 500.000 đồng/lần/cơ sở - Đối với cơ sở sản xuất khác: 2.500.000 đồng/lần/cơ sở - Đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống phục vụ dưới 200 suất ăn: 700.000 đồng/lần/cơ sở - Đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống phục vụ từ 200 suất ăn trở lên: 	<ul style="list-style-type: none"> - Luật An toàn thực phẩm số 55/2010/QH12 ngày 17/6/2010 của Quốc hội - Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018 của Chính phủ sửa đổi một số quy định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Y tế - Thông tư số 117/2018/TT-BTC ngày 28/11/2018 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 279/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 	<p>1. Trình tự thực hiện:</p> <p>Bước 1: tổ chức, cá nhân sản xuất thực phẩm và kinh doanh dịch vụ ăn uống nộp hồ sơ đăng ký cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện ATTP trực tiếp đến Ban Quản lý An toàn thực phẩm</p> <p>Bước 2:</p> <p>Trường hợp có yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ, Ban Quản lý An toàn thực phẩm có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho cơ sở trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
				<p>1.000.000 đồng/lần/cơ sở</p> <p>- Đối với cơ sở kinh doanh thực phẩm:</p> <p>1.000.000 đồng/lần/cơ sở</p>	<p>2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong công tác an toàn thực phẩm.</p> <p>- Thông tư số 279/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong công tác an toàn vệ sinh thực phẩm.</p> <p>- Quyết định số 06/2017/QĐ-UBND ngày 02/02/2017 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Quản lý An toàn thực phẩm thành phố Hồ Chí Minh.</p> <p>- Quyết định số</p>	<p>Trường hợp hồ sơ đạt yêu cầu, Ban Quản lý An toàn thực phẩm tiếp lập đoàn thẩm định hoặc ủy quyền thẩm định và lập Biên bản thẩm định theo Mẫu số 2 Phụ lục I kèm theo Nghị định này trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.</p> <p>Đoàn thẩm định Ban Quản lý An toàn thực phẩm hoặc cơ quan được ủy quyền thẩm định ra quyết định thành lập có từ 03 đến 05 người.</p> <p>Trường hợp kết quả thẩm định đạt yêu cầu, trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày có kết quả thẩm định, Ban Quản lý An toàn thực phẩm cấp Giấy chứng</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					135/QĐ-BYT ngày 15/01/2019 của Bộ Y tế về việc sửa đổi, bổ sung thủ tục hành chính mới ban hành trong lĩnh vực an toàn thực phẩm và dinh dưỡng thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Y tế.	<p>nhận theo Mẫu số 03 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này.</p> <p>Trường hợp kết quả thẩm định không đạt yêu cầu, Ban Quản lý An toàn thực phẩm thông báo bằng văn bản cho cơ quan quản lý địa phương giám sát và yêu cầu cơ sở không được hoạt động cho đến khi được cấp Giấy chứng nhận.</p> <p>Trường hợp thay đổi tên doanh nghiệp hoặc /và đổi chủ cơ sở, thay đổi địa chỉ nhưng không thay đổi vị trí và quy trình sản xuất thực phẩm, kinh doanh dịch vụ ăn uống và Giấy chứng nhận phải còn thời hạn thì cơ sở gửi thông báo thay đổi thông tin trên Giấy</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						<p>chứng nhận và kèm bản sao văn bản hợp pháp thể hiện sự thay đổi đó đến Ban Quản lý An toàn thực phẩm qua đường bưu điện hoặc tại Ban Quản lý An toàn thực phẩm.</p> <p>2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp tại Ban Quản lý An toàn thực phẩm</p> <p>3. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Ban Quản lý An toàn thực phẩm</p>

B. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ THUỘC THẨM QUYỀN TIẾP NHẬN CỦA BAN QUẢN LÝ AN TOÀN THỰC PHẨM

STT	Mã số TTHC công khai trên CSDL quốc gia về TTHC	Thủ tục hành chính	Văn bản quy phạm pháp luật quy định về việc hủy bỏ, bãi bỏ thủ tục hành chính
01	HCM-273707	Thủ tục cấp, cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh thực phẩm (Trường hợp cấp lại do cơ sở thay đổi vị trí địa lý của địa điểm kinh doanh, thay đổi, bổ sung mặt hàng kinh doanh và khi Giấy chứng nhận hết hiệu lực)	Thông tư số 43/2018/TT-BCT ngày 15/11/2018 của Bộ Công Thương bãi bỏ Thông tư số 58/2014/TT-BCT ngày 22/12/2014 của Bộ Công Thương quy định cấp, thu hồi Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công Thương. (Được thay thế bằng thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm)
02	HCM-273708	Thủ tục cấp lại Giấy Chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh thực phẩm (trường hợp bị mất, bị tiêu hủy toàn bộ hoặc một phần, bị rách, nát hoặc bị cháy hoặc do cơ sở có thay đổi tên cơ sở, chủ cơ sở hoặc người được ủy quyền, địa chỉ nhưng không thay đổi vị trí địa lý và toàn bộ mặt hàng kinh doanh)	Thông tư số 43/2018/TT-BCT ngày 15/11/2018 của Bộ Công Thương bãi bỏ Thông tư số 58/2014/TT-BCT ngày 22/12/2014 của Bộ Công Thương quy định cấp, thu hồi Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công Thương (Được thay thế bằng thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm)
03	HCM-273709	Thủ tục cấp, cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất thực phẩm	Thông tư số 43/2018/TT-BCT ngày 15/11/2018 của Bộ Công Thương bãi bỏ Thông tư số 58/2014/TT-BCT ngày 22/12/2014 của Bộ Công Thương quy

STT	Mã số TTHC công khai trên CSDL quốc gia về TTHC	Thủ tục hành chính	Văn bản quy phạm pháp luật quy định về việc hủy bỏ, bãi bỏ thủ tục hành chính
		(Trường hợp cấp lại do cơ sở thay đổi vị trí địa lý của địa điểm sản xuất, thay đổi và bổ sung quy trình sản xuất và khi Giấy chứng nhận hết hiệu lực)	định cấp, thu hồi Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công Thương (Được thay thế bằng thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm)
04	HCM-273710	Thủ tục cấp lại Giấy Chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất thực phẩm (trường hợp bị mất, bị tiêu hủy toàn bộ hoặc một phần, bị rách, nát hoặc bị cháy hoặc do cơ sở có thay đổi tên cơ sở, chủ cơ sở hoặc người được ủy quyền, địa chỉ nhưng không thay đổi vị trí địa lý và toàn bộ quy trình sản xuất)	Thông tư số 43/2018/TT-BCT ngày 15/11/2018 của Bộ Công Thương bãi bỏ Thông tư số 58/2014/TT-BCT ngày 22/12/2014 của Bộ Công Thương quy định cấp, thu hồi Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công Thương (Được thay thế bằng thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm)
05	HCM-273693	Thủ tục Cấp Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm đối với tổ chức và cá nhân theo Thông tư 47/2014/TT-BYT	Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018 của Chính phủ bãi bỏ một số văn bản, quy định thuộc lĩnh vực an toàn thực phẩm
06	HCM-273694	Thủ tục cấp Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm đối với tổ chức và cá nhân theo Thông tư liên tịch số 13/2014/TTLT-BYT-BNNPTNT-BCT ngày 09 tháng 4 năm 2014 của	Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018 của Chính phủ bãi bỏ một số văn bản, quy định thuộc lĩnh vực an toàn thực phẩm

STT	Mã số TTHC công khai trên CSDL quốc gia về TTHC	Thủ tục hành chính	Văn bản quy phạm pháp luật quy định về việc hủy bỏ, bãi bỏ thủ tục hành chính
		Bộ Y tế, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Bộ Công Thương về hướng dẫn việc phân công, phối hợp trong quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm (thuộc lĩnh vực quản lý của Bộ Y tế)	
07	HCM-273695	Thủ tục cấp mới Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm	Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018 của Chính phủ bãi bỏ một số văn bản, quy định thuộc lĩnh vực an toàn thực phẩm (Được thay thế bởi thủ tục cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm, kinh doanh dịch vụ ăn uống)
08	HCM-273696	Thủ tục cấp đổi Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm	Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018 của Chính phủ bãi bỏ một số văn bản, quy định thuộc lĩnh vực an toàn thực phẩm
09	HCM-273697	Thủ tục cấp mới Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống	Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018 của Chính phủ bãi bỏ một số văn bản, quy định thuộc lĩnh vực an toàn thực phẩm (Được thay thế bởi thủ tục cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm, kinh doanh dịch vụ ăn uống)

STT	Mã số TTHC công khai trên CSDL quốc gia về TTHC	Thủ tục hành chính	Văn bản quy phạm pháp luật quy định về việc hủy bỏ, bãi bỏ thủ tục hành chính
10	HCM-273704	Thủ tục Cấp đổi Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống	Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018 của Chính phủ bãi bỏ một số văn bản, quy định thuộc lĩnh vực an toàn thực phẩm

PHỤ LỤC I**DANH MỤC CÁC SẢN PHẨM/NHÓM SẢN PHẨM THỰC PHẨM; HÀNG HÓA THUỘC THẨM QUYỀN QUẢN LÝ CỦA BỘ Y TẾ***(Kèm theo Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ)*

TT	Tên sản phẩm/nhóm sản phẩm	Ghi chú
1	Nước uống đóng chai, nước khoáng thiên nhiên, đá thực phẩm (nước đá dùng liền và nước đá dùng để chế biến thực phẩm)	Trừ nước đá sử dụng để bảo quản, chế biến sản phẩm thuộc lĩnh vực được phân công quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
2	Thực phẩm chức năng	
3	Các vi chất bổ sung vào thực phẩm	
4	Phụ gia, hương liệu, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm	
5	Dụng cụ, vật liệu bao gói, chứa đựng tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm	Trừ những dụng cụ, vật liệu bao gói chứa đựng tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Bộ Công Thương được sản xuất trong cùng một cơ sở và chỉ để dùng cho các sản phẩm thực phẩm của cơ sở đó
6	Các sản phẩm khác không được quy định tại danh mục của Bộ Công Thương và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	

PHỤ LỤC II**DANH MỤC CÁC SẢN PHẨM/NHÓM SẢN PHẨM THỰC PHẨM; HÀNG HÓA THUỘC THẨM QUYỀN QUẢN LÝ CỦA BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN***(Kèm theo Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ)*

TT	Tên sản phẩm/nhóm sản phẩm	Ghi chú
I	Ngũ cốc	
1	Ngũ cốc	
2	Ngũ cốc đã sơ chế, chế biến (xay sát, cắt, tách vỏ, tách cám, dạng mảnh, nảy mầm, xử lý nhiệt,...)	Trừ các sản phẩm dạng bột, tinh bột và chế biến từ bột, tinh bột.
II	Thịt và các sản phẩm từ thịt	
1	Thịt dạng tươi, ướp đá, giữ mát, đông lạnh (nguyên con, pha lọc, cắt lát, mảnh, xay, viên,...)	
2	Phụ phẩm ăn được của gia súc, gia cầm (nội tạng, xương, chân, cổ, cánh, mỡ, máu,...)	
3	Sản phẩm chế biến từ thịt và phụ phẩm ăn của gia súc, gia cầm (khô, hun khói, đồ hộp, xử lý nhiệt, ướp muối, collagen, gelatin...)	Trừ thực phẩm chức năng do Bộ Y tế quản lý
4	Sản phẩm phối chế có chứa thịt (giò, chả, nem, Lạp sườn, salami, xúc xích, Jăm bông, Pa tê, thịt bao bột, tằm bột, tằm bột, ngâm dầu, súp, nước ép, nước chiết,...)	Trừ sản phẩm dạng bánh do Bộ Công Thương quản lý.
III	Thủy sản và sản phẩm thủy sản (bao gồm các loài lưỡng cư)	
1	Thủy sản sống, tươi, ướp đá, bảo quản lạnh (dạng nguyên con, sơ chế, fillet, xay, viên, cắt lát, bóc vỏ, cán mỏng,...)	
2	Phụ phẩm thủy sản dùng làm thực phẩm (da, vây, bóng, mỡ, gan, trứng,... của các loài thủy sản)	
3	Sản phẩm chế biến từ thủy sản và các phụ phẩm thủy sản dùng làm thực phẩm (lên men, dạng mắm, gia nhiệt, xông khói, khô, ướp muối, ngâm nước muối, bao bột, ngâm dầu, dịch chiết, nước ép, gelatin, collagen... kể cả có sử dụng hóa chất,	Trừ thực phẩm chức năng do Bộ Y tế quản lý

	phụ gia, chất hỗ trợ chế biến)	
4	Mỡ và dầu có nguồn gốc từ thủy sản được tinh chế hoặc chưa tinh chế dùng làm thực phẩm	Trừ thực phẩm chức năng, dược phẩm có nguồn gốc từ thủy sản do Bộ Y tế quản lý.
5	Sản phẩm thủy sản phối trộn với bột, tinh bột, bao bột, sữa chế biến, dầu thực vật (bao gồm cả phồng tôm, cá, mực,...)	Trừ sản phẩm dạng bánh do Bộ Công Thương quản lý.
6	Rong biển, tảo và các sản phẩm sản xuất từ rong biển, tảo dùng làm thực phẩm	Trừ thực phẩm chức năng có nguồn gốc từ rong, tảo do Bộ Y tế quản lý.
IV	Rau, củ, quả và sản phẩm rau, củ, quả	
1	Rau, củ, quả tươi và sơ chế (cắt mảnh, tách vỏ, tách hạt, tách múi, xay,...)	Trừ các loại rau, củ, quả, hạt làm giống
2	Rau, củ, quả chế biến (lên men, làm khô, xử lý nhiệt, dạng bột, đóng hộp, tẩm bột, ngâm dấm, ngâm dầu, ngâm đường, bao bột, dịch chiết, nước ép,...)	Trừ các sản phẩm dạng bánh, mứt, kẹo, ô mai và nước giải khát do Bộ Công Thương quản lý.
V	Trứng và các sản phẩm từ trứng	
1	Trứng động vật trên cạn và lưỡng cư	
2	Trứng động vật trên cạn và lưỡng cư đã sơ chế, chế biến (bóc vỏ, đóng bánh, đông lạnh, nghiền bột, xử lý nhiệt, muối, ngâm ướp thảo dược,...)	
3	Các loại thực phẩm phối chế có chứa trứng, bột trứng	Trừ bánh kẹo có thành phần là trứng, bột trứng do Bộ Công Thương quản lý.
VI	Sữa tươi nguyên liệu	
VII	Mật ong và các sản phẩm từ mật ong	
1	Mật ong nguyên chất, cô đặc, pha loãng	
2	Sáp ong, phấn hoa, sữa ong chúa có lẫn hoặc không có mật ong	
3	Các sản phẩm có chứa mật ong, sáp ong, phấn hoa, sữa ong chúa	Trừ bánh, mứt, kẹo, đồ uống có mật ong làm nước giải khát do Bộ Công Thương quản lý. Trừ thực phẩm chức năng, dược phẩm do Bộ Y tế quản lý.

VIII	Thực phẩm biến đổi gen	
IX	Muối	
1	Muối biển, muối mỏ	
2	Muối tinh chế, chế biến, phối trộn với các thành phần khác	
X	Gia vị	
1	Gia vị đơn chất, hỗn hợp, gia vị có nguồn gốc động vật, thực vật (bột hương liệu từ thịt, xương, dạng bột, dịch chiết, mù tạt,...)	Trừ gia vị đi kèm sản phẩm chế biến từ bột, tinh bột (mì ăn liền, cháo ăn liền,...) do Bộ Công Thương quản lý
2	Nước xốt và các chế phẩm làm nước xốt	
3	Tương, nước chấm	
4	Các loại quả thuộc chi Capsicum hoặc chi Pimenta, tươi, khô, xay hoặc nghiền	
XI	Đường	
1	Đường mía hoặc đường củ cải và đường sucroza tinh khiết về mặt hóa học, ở thể rắn	
2	Đường khác (kể cả đường lactoza, mantoza, glucoza và fructoza, tinh khiết về mặt hóa học, ở thể rắn; xirô đường chưa pha thêm hương liệu hoặc chất màu; mật ong nhân tạo đã hoặc chưa pha trộn với mật ong tự nhiên; đường caramen)	
3	Mật thu được từ chiết xuất hoặc tinh chế đường	
XII	Chè	
1	Chè tươi, chế biến đã hoặc chưa pha hương liệu	Trừ sản phẩm đã pha dạng nước giải khát; bánh, mứt, kẹo có chứa chè do Bộ Công Thương quản lý.
2	Các sản phẩm trà từ thực vật khác	Trừ sản phẩm đã pha dạng nước giải khát, do Bộ Công Thương quản lý.
XIII	Cà phê	
1	Cà phê hạt tươi, khô, chất chiết xuất, tinh chất và các chất cô đặc từ cà phê	
2	Cà phê, rang hoặc chưa rang, đã hoặc chưa khử	Trừ sản phẩm đã pha dạng

	chất ca-phê-in; vỏ quả và vỏ lụa cà phê; các chất thay thế cà phê có chứa cà phê theo tỷ lệ nào đó; dạng bột chiết có hoặc không có đường, sữa, kem để pha uống liền, các sản phẩm chế biến có chứa cà phê	nước giải khát; bánh kẹo, mứt có chứa cà phê do Bộ Công Thương quản lý.
XIV	Ca cao	
1	Hạt ca cao tươi, khô, đã hoặc chưa vỡ mảnh, sống hoặc đã rang; vỏ quả, vỏ hạt, vỏ lụa và phế liệu ca cao khác; bột ca cao nhão, đã hoặc chưa khử chất béo, bơ ca cao, mỡ và dầu ca cao; bột ca cao, chưa pha thêm đường hoặc chất ngọt khác	
2	Các chế phẩm từ ca cao dạng bột đã rang xay, không rang xay, dạng đặc, lỏng, bột uống liền có hoặc không có đường, sữa, kem, chế phẩm khác có chứa ca cao	Trừ sản phẩm uống dạng nước giải khát; bánh kẹo, mứt có chứa ca cao do Bộ Công Thương quản lý
XV	Hạt tiêu	
1	Hạt tiêu (chi Piper) khô, tươi, hạt tiêu xay, nghiền	
2	Các loại quả thuộc chi Capsicum hoặc chi Pimenta, tươi, khô, xay hoặc nghiền	
XVI	Điều	
1	Hạt điều	
2	Các sản phẩm chế biến từ hạt điều	Trừ bánh, mứt, kẹo có chứa hạt điều do Bộ Công Thương quản lý.
XVII	Nông sản thực phẩm khác	
1	Các loại hạt (hướng dương, hạt bí, hạt dưa,...) đã hoặc chưa chế biến	
2	Các sản phẩm có nguồn gốc thực vật dùng làm thực phẩm khác dạng nguyên bản hoặc đã sơ chế, chế biến (măng, mộc nhĩ, nấm; sản phẩm từ đậu nành ngoại trừ dầu; vỏ, rễ, lá, thân, hoa ăn được của một số loại cây,...)	Trừ đối tượng được sử dụng là dược liệu, thực phẩm chức năng do Bộ Y tế quản lý
3	Tổ yến và các sản phẩm từ tổ yến	Trừ đối tượng được sử dụng là dược liệu, thực phẩm chức năng do Bộ Y tế quản lý.
4	Sản phẩm nguồn gốc từ côn trùng dùng làm thực	

	phẩm (châu chấu, dế, nhộng tằm,...)	
XVIII	Dụng cụ, vật liệu bao gói, chứa đựng thực phẩm trong quá trình sản xuất, chế biến, kinh doanh thực phẩm thuộc lĩnh vực được phân công quản lý	
XIX	Nước đá sử dụng để bảo quản, chế biến sản phẩm thuộc lĩnh vực được phân công quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.	

PHỤ LỤC III**DANH MỤC CÁC SẢN PHẨM/NHÓM SẢN PHẨM THỰC PHẨM; HÀNG HÓA THUỘC THẨM QUYỀN QUẢN LÝ CỦA BỘ CÔNG THƯƠNG***(Kèm theo Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ)*

TT	Tên sản phẩm/nhóm sản phẩm	Ghi chú
I	Bia	
1	Bia hơi	
2	Bia chai	
3	Bia lon	
II	Rượu, cồn và đồ uống có cồn	Không bao gồm sản phẩm rượu bỏ do Bộ Y tế quản lý
1	Rượu vang	
1.1	Rượu vang không có gas	
1.2	Rượu vang có gas (vang nổ)	
2	Rượu trái cây	
3	Rượu mùi	
4	Rượu cao độ	
5	Rượu trắng, rượu vodka	
6	Đồ uống có cồn khác	
III	Nước giải khát	Không bao gồm nước khoáng, nước tinh khiết do Bộ Y tế quản lý
1	Đồ uống đóng hộp, bao gồm nước ép rau, quả	
2	Nước giải khát cần pha loãng trước khi dùng	
3	Nước giải khát dùng ngay	Không bao gồm nước khoáng, nước tinh khiết do Bộ Y tế quản lý
IV	Sữa chế biến	Không bao gồm các sản phẩm bổ sung vi chất dinh dưỡng, thực phẩm chức năng do Bộ Y tế quản lý

1	Sữa dạng lỏng (bao gồm sữa dạng lỏng được bổ sung hương liệu hoặc các phụ gia thực phẩm khác)	
1.1	Các sản phẩm được thanh trùng bằng phương pháp Pasteur	
1.2	Các sản phẩm được tiệt trùng bằng phương pháp UHT hoặc các phương pháp tiệt trùng bằng nhiệt độ cao khác	
2	Sữa lên men	
2.1	Dạng lỏng	
2.2	Dạng đặc	
3	Sữa dạng bột	
4	Sữa đặc	
4.1	Có bổ sung đường	
4.2	Không bổ sung đường	
5	Kem sữa	
5.1	Được tiệt trùng bằng phương pháp Pasteur	
5.2	Được tiệt trùng bằng phương pháp UHT	
6	Sữa đậu nành	
7	Các sản phẩm khác từ sữa	
7.1	Bơ	
7.2	Pho mát	
7.3	Các sản phẩm khác từ sữa chế biến	
V	Dầu thực vật	Không bao gồm các sản phẩm bổ sung vi chất dinh dưỡng, thực phẩm chức năng do Bộ Y tế quản lý
1	Dầu hạt vừng (mè)	
2	Dầu cám gạo	
3	Dầu đậu tương	
4	Dầu lạc	
5	Dầu ô liu	

6	Dầu cọ	
7	Dầu hạt hướng dương	
8	Dầu cây rum	
9	Dầu hạt bông	
10	Dầu dừa	
11	Dầu hạt cọ hoặc dầu cọ ba-ba-su	
12	Dầu hạt cải hoặc dầu mù tạt	
13	Dầu hạt lanh	
14	Dầu thầu dầu	
15	Các loại dầu khác	
VI	Bột, tinh bột	Không bao gồm các sản phẩm bổ sung vi chất dinh dưỡng, thực phẩm chức năng do Bộ Y tế quản lý
1	Bột mì hoặc bột meslin	
2	Bột ngũ cốc	
3	Bột khoai tây	
4	Malt: Rang hoặc chưa rang	
5	Tinh bột: Mì, ngô, khoai tây, sắn, khác	
6	Inulin	
7	Gluten lúa mì	
8	Sản phẩm từ bột nhào, đã hoặc chưa làm chín: spaghetti, macaroni, mì sợi, mì ăn liền, mì dẹt, gnochì, ravioli, cannelloni, cháo ăn liền, bánh đa, phở, bún, miến...	
9	Sản phẩm từ tinh bột sắn và sản phẩm thay thế chế biến từ tinh bột, ở dạng mảnh, hạt, bột xay, bột rây hay các dạng tương tự	
VII	Bánh, mứt, kẹo	Không bao gồm các sản phẩm bổ sung vi chất dinh dưỡng, thực phẩm chức năng do Bộ Y tế quản lý
1	Bánh quy ngọt, mặn hoặc không ngọt, mặn	

2	Bánh bít cốt, bánh mì nướng và các loại bánh nướng tương tự	
3	Bánh bột nhào	
4	Bánh mì giòn	
5	Bánh gato	
6	Các loại kẹo cứng, mềm có đường không chứa cacao	
7	Kẹo cao su, đã hoặc chưa bọc đường	
8	Kẹo sô cô la các loại	
9	Mứt, thạch trái cây, bột nghiền và bột nhào từ quả hoặc quả hạch, thu được từ quá trình đun nấu, đã hoặc chưa pha thêm đường hay chất làm ngọt khác hoặc rượu	
10	Quả, quả hạch và các phần khác ăn được của cây, đã chế biến hoặc bảo quản bằng cách khác, đã hoặc chưa pha thêm đường hay chất làm ngọt khác hoặc rượu	
11	Các sản phẩm bánh mứt kẹo khác	
VIII	Dụng cụ, vật liệu bao gói, chứa đựng thực phẩm trong quá trình sản xuất, chế biến, kinh doanh thực phẩm thuộc lĩnh vực được phân công quản lý.	

VĂN PHÒNG UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 86 Lê Thánh Tôn, quận 1

Điện thoại: 38.233.686

Fax: (84.8) 38.233.694

Email: tcb.ubnd@tphcm.gov.vn

Website: www.congbao.hochiminhcity.gov.vn

In tại Xí nghiệp Bản đồ Đà Lạt - Bộ Quốc phòng